

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI**

----- *** -----

NGUYỄN THỊ MINH PHƯỢNG

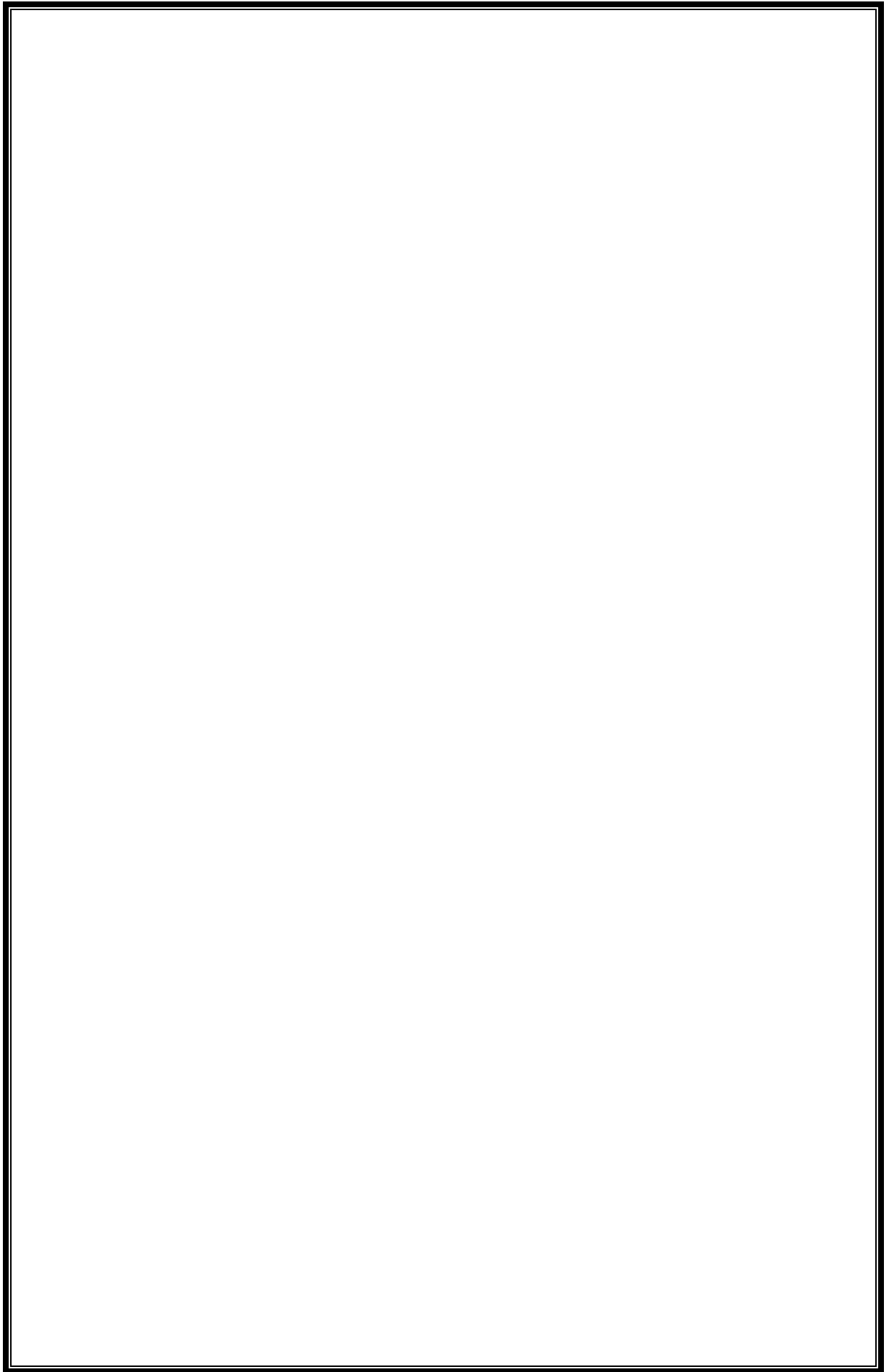
**TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI
NHÌN TỪ GÓC ĐỘ THỂ LOẠI**

Chuyên ngành: Lý luận văn học

Mã số: 9.22.01.20

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LÝ LUẬN VĂN HỌC

HÀ NỘI – 2022



Công trình được hoàn thành tại
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

Người hướng dẫn khoa học: **PGS. TS Nguyễn Văn Dân**

Phản biện 1: PGS.TS Đoàn Đức Phương

Cơ quan công tác: Trường ĐHKHXH & NV- ĐHQG Hà Nội

Phản biện 2: PGS.TS Nguyễn Thanh Tú

Cơ quan công tác: Tạp chí Văn nghệ quân đội

Phản biện 3: PGS.TS Trần Văn Toàn

Cơ quan công tác: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Trường,
họp tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
vào hồi giờ ngày tháng năm 2020

Có thể tìm hiểu luận án tại: Thư viện Quốc gia Việt Nam
hoặc Thư viện Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

**NHỮNG CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ
LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ**

1. “Giọng điệu nghệ thuật và tư tưởng nhân đạo trong *Sông Côn mùa lũ* của Nguyễn Mộng Giác” (2018), *Tạp chí Giáo dục và Xã hội*, số Đặc biệt, tr.18, ra ngày 10/2, Hiệp hội các trường Đại học, Cao đẳng Việt Nam.
2. “Liên văn bản trong tiểu thuyết lịch sử *Sông Côn mùa lũ* của Nguyễn Mộng Giác” (2018), *Tạp chí Khoa học*, (số 4), tr. 16-26, Trường ĐHSPTHN.
3. “Giáo huấn đạo trị bình bằng đối thoại Tam giáo đồng nguyên và tư tưởng Phật giáo trong *Tám triều vua Lý*” (2018), *Tạp chí Khoa học*, (số 10), tr. 45-54, Trường ĐHSPTHN.
4. “Cấu trúc và nghệ thuật thể hiện nhân vật lịch sử Trần Hưng Đạo trong chiến lược quân sự ở *Bão táp triều Trần* (2019)”, *Tạp chí Khoa học*, (số 2), tr.58-67, Trường ĐHSPTHN.
5. *Bão táp triều Trần* từ góc nhìn lý thuyết tiếp nhận và phê bình nữ quyền (2018), *Tạp chí Khoa học*, Tập 4, (số 2b), tr.253-264, Trường ĐHKHXH & NV.
6. “Ngôn ngữ đa phong cách trong tiểu thuyết lịch sử đương đại Việt Nam”, Phần 1, *Báo Văn nghệ*, tr. 551-552, ra ngày 20/8/2020, tỉnh Hòa Bình.
7. “Ngôn ngữ đa phong cách trong tiểu thuyết lịch sử đương đại Việt Nam”, Phần 2, *Báo Văn nghệ*, tr.553-554, ra ngày 20/9/2020, tỉnh Hòa Bình.
8. “Ngôn ngữ đa phong cách trong tiểu thuyết lịch sử đương đại Việt Nam”, Phần 3, *Báo Văn nghệ*, tr. 555-556, ra ngày 20/10/2020, tỉnh Hòa Bình.
9. “Con người xã hội mang khát vọng lịch sử và con người tự nhiên thể sự trong tiểu thuyết lịch sử từ góc nhìn phân tâm học và tâm phân học”, *Nghiên cứu và giảng dạy tác phẩm văn học theo thể loại* (2019), *Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia*, tr.337, Trường ĐHSPTHN.
10. “Không gian nghệ thuật trong tiểu thuyết lịch sử *Thông reo Ngàn Hông*”, *Nghiên cứu và giảng dạy tác phẩm văn học theo thể loại* (2019), *Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia*, tr.374, Trường ĐHSPTHN.
11. “Đặc sắc nghệ thuật trong kết cấu cốt truyện của tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại”, (2020), *Tạp chí Giáo dục*, số Đặc biệt, tháng 9, tr.38, Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam.
12. “Tư tưởng yêu nước và cảm hứng thể sự qua hình tượng nhân vật Lý Thường Kiệt trong *Tám triều vua Lý* từ góc nhìn mỹ học tiếp nhận” (2021), *Tạp chí Giáo dục*, số Đặc biệt, tháng 3, tr. 37, Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam.
13. “Một số đặc điểm nghệ thuật của xu hướng tiểu thuyết lịch sử đối thoại với sử liệu” (2021), *Tạp chí Thiết bị Giáo dục*, số 251, tr.47, tháng 10, Hiệp hội Thiết bị Giáo dục Việt Nam.
14. “Quan điểm đối thoại và một số đặc điểm nội dung của xu hướng tiểu thuyết lịch sử đối thoại với sử liệu”, (2021), *Tạp chí Thiết bị Giáo dục*, số Đặc biệt, tr.302, tháng 10, Hiệp hội Thiết bị Giáo dục Việt Nam.
15. “Khái quát về xu hướng tiểu thuyết lịch sử dụ ngôn hóa sử liệu và một số đặc điểm nội dung”, (2022), *Tạp chí Lý luận, phê bình VHNT TW*, số..., tr..., tháng..., Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương.
16. “Một số đặc điểm hình thức nghệ thuật của xu hướng tiểu thuyết lịch sử dụ ngôn hóa sử liệu”, (2022), *Tạp chí Lý luận, phê bình VHNT TW*, số..., tr..., tháng..., Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương.

MỞ ĐẦU

1. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI

1.1. Trong văn học Việt Nam hiện đại, tiểu thuyết là một thể loại tiêu biểu, nó đã trở thành lực lượng nòng cốt cho sự phát triển của văn học, có khả năng bao quát rộng lớn và thấu tóm mọi thể loại văn học khác. Tiểu thuyết lịch sử cũng vậy, nó là một nhánh nổi bật của tiểu thuyết Việt Nam, là thể loại văn học viết về lịch sử, có khả năng bao quát và thấu tóm mọi thể loại văn học khác. Điểm nổi bật của thể loại là sự tổ chức nội dung và hình thức nghệ thuật của tác phẩm thành hình thức chính thể của hệ thống các phương thức tổ chức ổn định, bền vững, có tính “quy luật nhất định” trong cấu trúc tác phẩm. Mỗi thể loại đều có những qui luật chi phối, quy định các lớp cấu trúc đặc thù theo nguyên tắc riêng, đặc biệt là trong Tiểu thuyết lịch sử, yếu tố “lịch sử” sẽ quy định, chi phối việc tổ chức các lớp cấu trúc thể loại như nhân vật, sự kiện, cốt truyện, không- thời gian, người kể chuyện, các lớp ngôn ngữ...

1.2. Tiểu thuyết lịch sử là một nhánh nổi bật của tiểu thuyết lịch sử Việt Nam, đã có nhiều công trình khoa học nghiên cứu về thể loại văn học này. Tuy nhiên, có thể nói, sự sống động, phức tạp của thể loại văn học này đòi hỏi phải tiếp tục có những công trình khoa học khác nghiên cứu về nó, nhằm khẳng định những giá trị, thành tựu, cũng như nhận ra những đặc điểm cấu trúc, nguyên tắc thể loại, giới hạn của yếu tố “hư cấu” và “lịch sử”. Những công trình nghiên cứu trước đó chỉ đi vào một khía cạnh nào đó của Tiểu thuyết lịch sử chưa có sự khái quát sâu rộng, vấn đề lý thuyết thể loại vẫn còn nhiều điểm trống thiếu hụt, nhiều vấn đề nội dung và nghệ thuật của Tiểu thuyết lịch sử được đặt ra, nhưng chúng chưa được giải quyết thỏa đáng. Để làm rõ giá trị, ý nghĩa, đặc điểm của các lớp cấu trúc thể loại, sự cách tân thể loại về nội dung và nghệ thuật của các xu hướng Tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại trong hệ thống thể loại văn học, chúng tôi chọn đề tài “*Tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại – nhìn từ góc độ thể loại*” với hy vọng góp phần tìm hiểu thấu đáo một thể loại quan trọng trong văn học Việt Nam hiện đại.

1.3. Việc tiếp nhận thể loại còn nhiều bất cập và chưa thống nhất, lý thuyết thể loại dùng để nghiên cứu, tiếp nhận thể loại TTLS chưa có tính khái quát và chưa có hệ thống, còn nhiều vấn đề thiếu hụt. Đề tài trên khái quát vấn đề lý thuyết thể loại còn thiếu hụt, theo sát sự ra đời của các tác phẩm và thực tiễn sáng tác của các nhà văn. Với đề tài này, chúng tôi mang đến góc tiếp cận mới, phần nào lấp đầy những khoảng trống lý thuyết của các công trình đi trước, mang đến một công cụ lý thuyết để vận dụng trong việc nghiên cứu khoa học của sinh viên, việc giảng dạy lý luận văn học, tiếp cận vấn đề thể loại.

2. ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Đề tài của chúng tôi nghiên cứu một số vấn đề lý luận cơ bản về thể loại, chỉ ra sự cách tân và những đặc trưng trong các lớp cấu trúc thể loại của tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại biểu hiện qua ba xu hướng tiểu thuyết lịch sử bám sát sử liệu, tiểu thuyết lịch sử dụ ngôn hóa sử liệu và tiểu thuyết lịch sử đối thoại với sử liệu. Chúng tôi đi vào một số tác phẩm tiêu biểu của từng xu hướng tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Chúng tôi khái quát lý thuyết thể loại, chỉ ra các xu hướng phát triển và các đặc điểm riêng của từng xu hướng tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại qua việc tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của các tác phẩm cụ thể tiêu biểu của từng xu hướng. Từ đó, chúng tôi làm sáng tỏ các yếu tố cấu thành các lớp cấu trúc thể loại thể hiện qua từng xu hướng, chỉ ra điểm mới của mỗi xu hướng. Trong quá

trình viết đề tài, chúng tôi sẽ tiếp thu có chọn lọc và vận dụng hệ thống lý thuyết của lý luận văn học để làm rõ các vấn đề nói trên qua việc khảo cứu một số tác phẩm tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại (từ năm 1986 đến nay) về nội dung và nghệ thuật.

2.3. Phạm vi nghiên cứu

Về mặt phạm vi thời gian, chúng tôi quan niệm thuật ngữ “đương đại” là giai đoạn kể từ ngày Đổi Mới (từ năm 1986) đến nay. Và khi đặt vấn đề nghiên cứu “*Tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại – nhìn từ góc độ thể loại*”, chúng tôi tập trung phân tích nội dung và nghệ thuật của các tác phẩm từ năm 1986 đến nay, để khẳng định ý nghĩa và vai trò của nó trong nền văn học nước nhà.

Về mặt phạm vi khảo sát, chúng tôi sẽ tập trung phân tích một số cuốn tiểu thuyết tiêu biểu cho 3 xu hướng tiểu thuyết lịch sử bám sát sử liệu; dụ ngôn hóa sử liệu và đối thoại với sử liệu để thấy được sự cách tân nghệ thuật của mỗi xu hướng. Cụ thể là chúng tôi sẽ phân tích bộ tiểu thuyết “*Tây Sơn bi hùng truyện*”, “*Sông Côn mùa lũ*”, *Phùng Vương*, “*Mười hai sứ quân*”, “*Thông reo Ngàn Hống*”, bộ bốn “*Bão táp triều Trần*”, bộ sáu “*Tám triều vua Lý*”, ba tác phẩm “*Hồ Quý Ly*”, “*Mẫu Thượng Ngàn*”, “*Đội gạo lên chùa*”, “*Hội thê*”, “*Giàn thiêu*”, “*Gió Lửa*”, “*Đàn đay*”.

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Tôi dùng *phương pháp liên ngành*, *phương pháp hệ thống - loại hình*, phương pháp so sánh, đối chiếu - lịch sử, phương pháp thi pháp học. Ngoài ra, tôi còn dùng thao tác phân tích, tổng hợp, thống kê, khái quát hệ thống- cấu trúc của các vấn đề ở các cấp độ khác nhau.

4. ĐÓNG GÓP CỦA LUẬN ÁN

Với đề tài *Tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại – nhìn từ góc độ thể loại*, tôi hy vọng sẽ có được những đóng góp nhỏ như sau:

Luận án sẽ đóng góp những luận điểm, luận cứ khoa học và một cái nhìn sâu rộng về sự đa dạng, sự đổi mới trong các lớp cấu trúc thể loại của ba xu hướng tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại. Đó cũng là ý nghĩa lý luận của đề tài.

Luận án đóng góp phần nào cho công việc tổng kết sự phát triển của tiểu thuyết Việt Nam đương đại và vạch ra một số khía cạnh lý thuyết thể loại đóng góp vào sự phát triển của ngành Lý luận văn học nước nhà.

Những kết quả thu được của luận án sẽ là công cụ hữu dụng để các thế hệ sinh viên vận dụng trong nghiên cứu khoa học về dòng văn học này. Những kết quả thu được của luận án sẽ có ý nghĩa quan trọng với việc giảng dạy lý thuyết thể loại; đặc biệt là việc giảng dạy tiểu thuyết lịch sử trong các nhà trường.

Đề tài của luận án này còn có ý nghĩa văn học sử. Luận án đề cập đến nhiều nội dung có ý nghĩa thời sự, có vai trò thúc đẩy sự phát triển của xã hội ở mọi thời đại và giúp hoàn thiện đạo đức, nhân cách của học sinh, sinh viên.

5. CẤU TRÚC CỦA LUẬN ÁN

Ngoài ba phần Mở đầu, Kết luận và mục Tài liệu tham khảo, mục Những công trình khoa học của tác giả liên quan đến đề tài luận án đã công bố, phần Nội dung của luận án gồm có 4 chương:

Chương 1: Tổng quan vấn đề nghiên cứu.

Chương 2: Xu hướng tiểu thuyết lịch sử bám sát sử liệu.

Chương 3: Xu hướng tiểu thuyết lịch sử dụ ngôn hóa sử liệu.

Chương 4: Xu hướng tiểu thuyết lịch sử đối thoại với sử liệu.

NỘI DUNG

Chương 1

TỔNG QUAN VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

Tiểu thuyết lịch sử ngày càng gây được sự chú ý, quan tâm đặc biệt của các nhà lý luận- phê bình văn học bởi sự xuất hiện của các tác phẩm lớn của nhiều tác giả như Hoàng Quốc Hải, Nguyễn Xuân Khánh, Lê Đình Danh, Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Quang Thân, Nguyễn Thế Quang,... và tình hình nghiên cứu lý luận về tiểu thuyết lịch sử ở Việt Nam nhìn chung đã đạt được một số thành tựu bước đầu.

1.1. Các công trình nghiên cứu về tiểu thuyết lịch sử Việt Nam

Hiện tại, tôi thấy chưa có một công trình khoa học nào nghiên cứu về các xu hướng phát triển của tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại. Tuy nhiên, mỗi khi có tác phẩm tiểu thuyết lịch sử mới được xuất bản, giới thiệu trước công chúng, thì các nhà khoa học cũng có các bài viết, nghiên cứu về một phương diện nào đó của một tác phẩm cụ thể và đăng rải rác trên các báo, tạp chí.

Trong thời kỳ trước Đổi Mới, chúng ta thấy có một số bài viết của các nhà nghiên cứu đăng rải rác trên các tạp chí như tác giả Triều Dương, Đoàn Thị Hương, Hà Ân, Nguyễn Phương Chi,... chỉ nêu vắn tắt về mục đích của tác phẩm, đi vào một mặt nào đó của một tác phẩm cụ thể.

Trong thời kỳ sau Đổi Mới (từ 1986 đến nay), chúng ta đã có thêm một số bài viết của các tác giả như Nguyên Ân, Nguyễn Đăng Điệp, Nguyễn Xuân Khánh, Đặng Văn Sinh; quan điểm của các tác giả như Hoàng Công Khanh, Đinh Công Vĩ, Hoàng Tiến... trong công trình khoa học “*Bão táp triều Trần, tác phẩm và dư luận*” do Nhà xuất bản Phụ nữ ấn hành năm 2006; quan điểm của các tác giả như Đinh Thế Huynh, Nguyễn Hồng Vinh, Phan Trọng Thuởng, Đào Duy Quát, Phan Tuấn Anh, Hoàng Quốc Hải, Đặng Hiền, Sương Nguyệt Minh, Vũ Nho, Hà Phạm Phú, Đoàn Đức Phương, Hà Quảng, Trần Đăng Suyền, Trần Đình Sử, Nguyễn Huy Thông,... trong công trình “*Sáng tạo văn học nghệ thuật về đề tài lịch sử*” (2013) của Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương. Nhìn chung, các bài viết bàn về một khía cạnh nhỏ lẻ của tiểu thuyết lịch sử qua một tác phẩm, vấn đề nêu ra còn trùng nhau, chưa khái quát được đặc trưng thể loại thể hiện qua các xu hướng. Do đó, vấn đề lý thuyết về thể loại tiểu thuyết lịch sử vẫn còn những khoảng trống để các công trình khoa học đi sau tiếp tục nghiên cứu và luận án của tôi phần nào lấp đầy những khoảng trống thiếu hụt đó là điều quan trọng và cần thiết, ít nhiều đóng góp vào sự phát triển của lý luận văn học nước nhà.

Trong các sách *lý luận văn học*, các nhà nghiên cứu đã bàn nhiều về thể loại tiểu thuyết nói chung, nhưng rất ít khi đề cập đến lý thuyết thể loại tiểu thuyết lịch sử. Có thể nói, các cuốn sách chuyên khảo mang tính lý luận về tiểu thuyết lịch sử vẫn còn rất thưa thớt. Ví dụ trong các cuốn sách như “*Từ điển thuật ngữ văn học*” (1992) của nhóm tác giả, cuốn sách “*Trên đường biên của lý luận văn học*” của Trần Đình Sử do Nhà xuất bản Văn học ấn hành, cuốn sách “*Lý luận văn học*”, (2011), Tập 2 của tập thể các tác giả gồm Trần Đình Sử (Chủ biên), La Khắc Hòa, Phùng Ngọc Kiếm, Nguyễn Xuân Nam do Nhà xuất bản ĐHSP Hà Nội ấn hành. Cuốn sách này cũng chỉ có mấy dòng ngắn bàn về thể loại tiểu thuyết lịch sử.

Đến cuối thế kỷ XX, chúng tôi mới thấy xuất hiện một luận án tiến sĩ đầu tiên của Bùi Văn Lợi với đề tài “*Tiểu thuyết lịch sử Việt Nam từ những năm đầu thế kỷ XX đến 1945 (Diện mạo và đặc điểm)*”. Nhìn chung, công trình nghiên cứu này chỉ mới khái quát diện mạo và đặc điểm của tiểu thuyết lịch sử Việt Nam từ những năm đầu thế kỷ XX đến 1945, chưa đi sâu vào giai đoạn đương đại.

Đến đầu thế kỷ XXI, chúng ta đã có thêm một luận án tiến sĩ văn học về tiểu thuyết lịch sử với đề tài “*Tiểu thuyết lịch sử Việt Nam từ 1945 đến nay*” của Nguyễn Thị Tuyết Minh (Viện Văn học, Hà

Nội, 2009). Nhìn chung, luận án này có một vài gợi ý để tôi phát triển, kế thừa trong luận án của mình. Tác giả khảo sát các tác phẩm một cách sơ lược, liệt kê tên của nhiều tác phẩm, chưa chỉ ra sự đổi mới của mỗi xu hướng trong các lớp cấu trúc thể loại. Đây là những khoảng trống thiếu hụt về mặt lý thuyết thể loại để luận án của tôi tiếp tục nghiên cứu về tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đoạn đương đại từ 1986 đến nay.

Năm 2014, Nguyễn Văn Hùng đã bảo vệ thành công Luận án tiến sĩ với đề tài “*Tiểu thuyết lịch sử Việt Nam sau năm 1986 dưới góc nhìn tự sự học*” (Học viện KHXH, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, 2014). Nhìn chung, tác giả viết dàn trải, một số vấn đề nêu ra chưa được giải quyết thỏa đáng, chưa chỉ ra sự đổi mới về mặt nội dung và hình thức nghệ thuật của mỗi xu hướng trong cấu trúc thể loại. Đây là những điểm trống thiếu hụt về mặt lý thuyết, luận án của tôi sẽ tiếp tục nghiên cứu về thể loại tiểu thuyết lịch sử.

Năm 2018, Ngô Thanh Hải bảo vệ thành công luận án tiến sĩ với đề tài “*Ba mô hình truyện lịch sử trong văn xuôi hiện đại Việt Nam*”. Nhìn chung, Ngô Thanh Hải tiếp cận các mô hình truyện lịch sử từ lý thuyết diễn ngôn, phần lớn tác phẩm khảo sát thuộc thể loại truyện ngắn, trong đó có nhắc đến tên một vài tiểu thuyết lịch sử, nhưng tác giả cũng chưa phân tích đặc điểm các lớp cấu trúc thể loại trong mỗi xu hướng để chỉ ra sự đổi mới của thể loại. Đây là chỗ còn thiếu hụt về mặt lý thuyết mà luận án của tôi sẽ tiếp tục nghiên cứu.

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu nói trên chỉ tập hợp những bài báo đi vào một số yếu tố rất nhỏ của thể loại, có một số sách lý luận văn học cũng ít đề cập đến lý thuyết thể loại tiểu thuyết lịch sử, cho thấy khoảng trống còn thiếu hụt về mặt lý thuyết. Bên cạnh đó, một số luận văn thạc sĩ chỉ đi vào một khía cạnh nhỏ nào đó của một tác phẩm cụ thể, nên chưa có những khái quát về mặt lý thuyết thể loại. Cuối cùng, chúng tôi thấy có 4 luận án tiến sĩ công phu đi sâu vào cả giai đoạn dài, có sự tiếp nối về thời gian, mỗi luận án có hướng tiếp cận riêng. Nhưng, các công trình nghiên cứu đó vẫn còn khoảng trống thiếu hụt về mặt lý thuyết thể loại như đã nêu trên. Vì thế, luận án tiến sĩ của tôi đi sâu khái quát các đặc trưng thể loại, ý nghĩa, vai trò, những sự cách tân của tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại theo ba xu hướng: bám sát sử liệu, dụ ngôn hóa sử liệu và đối thoại với sử liệu là điều quan trọng và cần thiết, có những đóng góp nhất định cho ngành lý luận văn học nước nhà.

1.2. Các quan niệm về đặc trưng thể loại

Khi bàn về tiểu thuyết lịch sử, chúng tôi thấy tập hợp hệ thống các quan điểm của các nhà khoa học trong và ngoài nước bàn về đặc trưng của thể loại văn học này. Chúng tôi thấy quan điểm của các nhà nghiên cứu nước ngoài và các nhà khoa học trong nước được nói đến trong các công trình nghiên cứu nói trên có thể chia thành *ba luồng ý kiến chính, một là kết hợp hài hòa giữa lịch sử và hư cấu, hai là thiên về tính tiểu thuyết và hư cấu nghệ thuật, ba là đề cao yếu tố lịch sử và tính chân thực lịch sử*. Trong đó, chúng tôi thấy hầu hết các nhà văn, nhà nghiên cứu lý luận- phê bình văn học theo quan điểm thứ nhất, cho rằng tiểu thuyết lịch sử cần tôn trọng sự thật lịch sử và nhà văn có quyền được hư cấu ở một giới hạn và mức độ nhất định, tính lịch sử và hư cấu sẽ chi phối, quy định, ràng buộc lẫn nhau, cần kết hợp hài hòa yếu tố “lịch sử” và “hư cấu”.

1.2.1. Quan niệm về kết hợp hài hòa giữa lịch sử và hư cấu nghệ thuật

Trước hết, chúng tôi điềm lại các ý kiến cho rằng tiểu thuyết lịch sử cần *kết hợp hài hòa giữa lịch sử và hư cấu nghệ thuật*, nhà văn cần phải tôn trọng tính chân thật của lịch sử, đồng thời được phép tưởng tượng, sáng tạo, gia công, thêm bớt các chi tiết không có trong lịch sử ở một mức độ nhất định để đưa các nhân vật lịch sử vào tác phẩm văn học sống động theo cái nhìn chủ quan của mình, mang cảm xúc thẩm mỹ đến cho người đọc, nhưng không làm sai lệch sự thật “lịch sử chính trị” của nước

nhà. Tiêu biểu cho hệ thống quan điểm này, ta có thể nhắc đến hàng loạt các tác giả như Đoàn Thị Hương, Ché Lan Viên, Nguyễn Phương Chi, Võ Gia Tri, Phạm Xuân Nguyên, Lucacs, Hégel và Goethe, Bùi Văn Lợi, Lại Nguyên Ân, Thái Vũ, Nguyễn Văn Dân, Phạm Huy Thông, Nguyễn Hoà, Hoàng Minh Tường, Đỗ Thị Thanh Nga, GS. Trần Đình Sử, Ngô Văn Phú, Hoàng Quốc Hải, Nguyễn Huệ Chi,... Nhìn chung, các ý kiến nói trên có ý nghĩa quan trọng, gợi mở cho chúng tôi tiếp cận nội dung và nghệ thuật của các tác phẩm tiểu thuyết lịch sử trong luận án.

1.2.2. Quan niệm đề cao yếu tố “hư cấu” như là đặc trưng của tiểu thuyết lịch sử

Khác với các quan điểm trên, chúng tôi nhận thấy cũng có khá nhiều nhà văn, nhà lý luận- phê bình văn học thiên về luồng ý kiến thứ hai, cho rằng tiểu thuyết lịch sử nhất thiết phải có sự “hư cấu” nghệ thuật, “hư cấu” là yếu tố được đề cao, coi trọng hơn yếu tố “lịch sử” và nguồn sử liệu chỉ là phương tiện để nghệ sĩ sáng tác, lịch sử chỉ là “cái đỉnh” để nhà văn “treo các bức tranh” trong thế giới nghệ thuật của tiểu thuyết lịch sử. Tiêu biểu cho quan điểm này là Nguyễn Xuân Khánh, nhà tiểu thuyết lịch sử Pháp- Alexandre Dumas, Đào Duy Anh, GS Hà Minh Đức và Phan Cự Đệ, Hà Ân, Vương Anh Tuấn, Hoàng Ngọc Hiến, Lại Văn Hùng, bà S. Haasse, Nguyễn Huy Tường, Phạm Xuân Thạch, Nguyễn Thị Tuyết Minh, Nam Dao, Nguyễn Mộng Giác, Hải Thanh, Ưông Triều, Lê Thành Nghị, Lại Nguyên Ân... Như vậy, ta thấy hư cấu là kỹ thuật đương nhiên của người viết tiểu thuyết, thể hiện sự sáng tạo của nhà văn, làm cho tác phẩm đúng là tiểu thuyết, làm cho tiểu thuyết lịch sử khác với một công trình sử ký. Hư cấu nghệ thuật trong tiểu thuyết lịch sử phải có giới hạn, không được xuyên tạc “lịch sử chính trị” của đất nước, phải đảm bảo nguyên tắc thể loại, tính thẩm mỹ, thể hiện khả năng dự báo, cải tạo hiện thực theo chiều hướng tốt đẹp.

1.2.3. Quan niệm coi trọng yếu tố “lịch sử” hơn “hư cấu”.

Bên cạnh hai luồng ý kiến nói trên, chúng tôi thấy còn có luồng ý kiến thứ ba thiên về “lịch sử”, cho rằng nhà văn phải coi trọng “tính chân thật của lịch sử”, trung thành với “sự thật lịch sử” hơn là “hư cấu” sáng tạo. Tiêu biểu cho quan điểm này, chúng tôi thấy có một số ý kiến như Tạ Ngọc Liễn, A. Tônxtôi, Hoàng Quốc Hải, Nguyễn Huệ Chi, Vũ Tam Giang... Như vậy, ta thấy dựa trên bản chất lịch sử dân tộc, các nhà nghiên cứu cho rằng đặc trưng quan trọng nhất của tiểu thuyết lịch sử là *tính chân thật lịch sử* của thể loại này được thể hiện ở việc các sự kiện, hiện tượng và con người chủ yếu phải là người thật việc thật. Đây là đặc trưng quan trọng đầu tiên phân biệt tiểu thuyết lịch sử với các thể loại tiểu thuyết khác.

Cuối cùng, chúng tôi thấy các nhà văn, nhà lý luận – phê bình văn học còn đề cập đến nội dung “thể sự”, các “mã lịch sử”, “mã văn hóa”, “mã ngôn ngữ” trong tiểu thuyết lịch sử, đặc sắc nghệ thuật và nhiều vấn đề lý luận về thể loại tiểu thuyết lịch sử như Nguyễn Mộng Giác, Đan Thành, Trung Trung Đỉnh, Phan Trọng Thương, Nguyễn Thị Tuyết Minh, Nguyễn Văn Hùng, Triều Dương, Hayden White, GS.TSKH Phương Lựu, M. Foucault, S. Greenblatt, TS. Trần Hiếu, Nguyễn Lương Bích, Dorothy Brewster và J. A. Burrell, L. Feuchtwanger... Đến thời gian gần đây nhất, các bài viết của các nhà nghiên cứu Nguyễn Thị Kim Tiến, Nguyễn Văn Dân, Đỗ Hải Ninh, Nguyễn Quang Thiều, Nguyễn Xuân Khánh, Trần Đình Sử, Hà Phạm Phú, ... đã đề cập trực tiếp đến một vài khía cạnh tiểu thuyết lịch sử ở *giai đoạn đương đại*. Nhìn chung, chúng tôi thấy hầu hết các ý kiến nói trên đều thể hiện tinh thần xây dựng hệ thống lý thuyết lý luận về thể loại tiểu thuyết lịch sử và đã đạt được những thành tựu đáng kể. Những vấn đề này có ý nghĩa gợi mở trong việc triển khai luận án của chúng tôi.

Riêng nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Dân có phác thảo một bức tranh phát triển của tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại, với những xu hướng và tác giả đại diện tiêu biểu. Nhưng đó cũng mới chỉ là những đề xuất đại cương, chưa đi sâu phân tích được thấu triệt các khía cạnh nghệ thuật của từng xu hướng. Để làm được điều này, cần có một công trình chuyên luận có khả năng triển khai phân tích cấu

trúc nghệ thuật của tiểu thuyết lịch sử đương đại, phát triển được những ý tưởng đề xuất của các nhà nghiên cứu, cũng như bổ sung cho công trình luận án của tác giả Bùi Văn Lợi, Nguyễn Thị Tuyết Minh và Nguyễn Văn Hùng. Vì thế, việc chúng tôi lựa chọn đề tài này là một việc làm hợp lý và cần thiết.

1.3. Quan niệm của luận án về tiểu thuyết lịch sử và các xu hướng tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại.

1.3.1. Quan niệm của luận án về tiểu thuyết lịch sử và cơ sở lý thuyết để nghiên cứu đề tài

Trong luận án này, chúng tôi quan niệm về thể loại: TTLS gồm các *tác phẩm tự sự cỡ lớn mà viết về đề tài lịch sử, phục hiện lại đời sống quá khứ, không khí thời đại, làm sống lại lịch sử dựng và giữ nước của các thế hệ đi trước, liên quan đến các cuộc chiến tranh, sự thay đổi chế độ qua các triều đại với các sự kiện, biến cố, nhân vật có thật trong những khoảng không- thời gian cụ thể được trần thuật theo nguyên tắc vừa tôn trọng lịch sử, vừa hư cấu sáng tạo ở giới hạn phù hợp để tường thuật lịch sử, dụ ngôn hóa sử liệu, đối thoại, phản biện hay dự phóng, làm mới lịch sử theo quan điểm thẩm mỹ riêng của mỗi nhà văn nhằm đạt đến độ chân thật lịch sử, độ chân thực đời sống theo logic lịch sử, đảm bảo không xuyên tạc bản chất lịch sử. Việc xử lý yếu tố lịch sử và hư cấu trong các lớp cấu trúc nội dung và hình thức thể loại tùy thuộc vào quan niệm nghệ thuật của mỗi nhà văn trong từng xu hướng, có những người đề cao yếu tố lịch sử hơn hư cấu nhằm tường thuật, mô tả, minh họa lịch sử theo tinh thần bám sát sử liệu để phổ biến kiến thức lịch sử, lại có những người khác kết hợp hài hòa yếu tố lịch sử và hư cấu nhằm dụ ngôn hóa sử liệu để gửi gắm các bài học giáo huấn hay một số người lại đề cao yếu tố hư cấu hơn yếu tố lịch sử, muốn đảo lại lịch sử, đối thoại, phản biện lịch sử một cách khách quan, công tâm trên tinh thần nhân văn, hiểu đúng bản chất và quy luật lịch sử để gửi gắm quan điểm thẩm mỹ mang tính cá nhân. Chính những điều này chi phối việc tổ chức các lớp cấu trúc nội dung và hình thức nghệ thuật, chọn lựa thời điểm lịch sử, những sự việc và con người có thật, miêu tả bối cảnh văn hóa với các yếu tố lịch sử đặc trưng, chi phối việc tổ chức điểm nhìn, cốt truyện, thời gian, không gian, người kể chuyện, ngôn ngữ, nhân vật, giọng điệu... ở mỗi xu hướng vừa có sự giống nhau lại vừa có sự khác nhau.*

Về cơ sở lý thuyết để nghiên cứu đề tài, để làm rõ những đặc trưng bản chất thể loại, chúng tôi đã tổng hợp, đã vận dụng và chất lọc các thành tựu lý thuyết của chủ nghĩa hình thức, tự sự học, mỹ học tiếp nhận, chủ nghĩa cấu trúc, lý thuyết cổ mẫu.

1.3.2. Quan niệm về các xu hướng tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại

Đến thời kỳ Đổi Mới (từ năm 1986) đến nay, đất nước hòa bình, Đảng định hướng đường lối phát triển văn hóa, văn học nghệ thuật với việc “tự do sáng tác” được mở rộng, lĩnh vực đề tài lịch sử bắt đầu sống lại và trở thành một trong những đề tài chủ chốt của văn học mà tiểu thuyết lịch sử là thể loại chuyên biệt khơi sâu vào đề tài này. Tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại từ giai đoạn Đổi mới (1986) đến nay phát triển nở rộ, vượt bậc, đạt nhiều thành tựu quan trọng, có nhiều cách tân trên mọi cấp độ nội dung và hình thức nghệ thuật.

Từ thời kỳ Đổi Mới (từ năm 1986) đến nay, nếu xếp theo trình tự thời gian, ta phải kể đến hàng loạt các tác giả viết về đề tài lịch sử như Nguyễn Huy Thiệp, Hà Công Tài; tác giả người Pháp viết về đề tài lịch sử Việt Nam là Yveline Féray, Ngô Văn Phú, Nguyễn Mộng Giác, Nam Dao, Lê Đình Danh, Hoàng Công Khanh, Nguyễn Trường Thanh, Nguyễn Xuân Khánh, Lữ Giang, Trần Bá Chí, Nguyễn Quang Thân, Vũ Ngọc Đĩnh, Hoàng Quốc Hải, Trần Đại Sỹ, Hàn Thế Dũng, Võ Thị Hảo, Nguyễn

Khắc Phục, Trần Thu Hằng, Phạm Thuận Thành, Hoài Anh, Đan Thành (Phạm Thành), Hữu Mai, Thái Bá Lợi, Nguyễn Khắc Triệu, Phạm Ngọc Cảnh Nam, Hoàng Quảng Uyên, Phạm Trường Khang, Nguyễn Thế Quang, Trần Mai Hạnh, Ưông Triều, Võ Khắc Nghiêm, Phùng Văn Khai, Lưu Minh Sơn, nhóm Lương Duyên, Trương Bửu Sinh, Vũ Xuân Tửu, Trương Đình Tường, Trần Thùy Mai... Có thể nói, tiểu thuyết lịch sử từ sau năm 1986 đến nay phát triển theo nhiều xu hướng phong phú, đa dạng, vừa kế thừa truyền thống vừa đổi mới theo lối viết hiện đại.

Từ 1986 đến nay, tiểu thuyết lịch sử đương đại Việt Nam phát triển mạnh với nhiều tác phẩm thể hiện sự cách tân thể loại thể hiện trên mọi phương diện nội dung và hình thức. Ví dụ như các tác phẩm như *Sông Côn mùa lũ*, *Hồ Quý Ly*, *Đất trời*, *Gió lửa*, *Bão táp triều Trần*, *Tám triều vua Lý*, *Giàn thiêu*, *Mẫu Thượng Ngàn*, *Tây Sơn bi hùng truyện*, *Không phải huyền thoại*, *Đội gạo lên chùa*, *Mười hai sứ quân*, *Kinh đô Rồng*, *Hội thề*, *Đàn đày*, *Phùng Vương*, *Thông reo Ngàn Hống*, ...

Nhìn chung, dù viết theo khuynh hướng nào, các nhà văn vẫn phải quán triệt tư tưởng trung thành với các sự thật lịch sử, đảm bảo nguyên tắc không xuyên tạc “lịch sử chính trị” của đất nước theo chiều hướng tiêu cực. Trong luận án này, chúng tôi phân chia thành ba xu hướng chính là: bám sát sử liệu, dụ ngôn hóa sử liệu và đối thoại với sử liệu, làm rõ đặc điểm của ba xu hướng này trong các chương sau của luận án.

Tiểu kết chương 1

Tóm lại, qua các bài viết xoay quanh ba luồng ý kiến: kết hợp hài hòa giữa “lịch sử” và “hư cấu nghệ thuật”, đề cao yếu tố “hư cấu” hơn yếu tố lịch sử, coi trọng “lịch sử” hơn “hư cấu”. Trong đó, luồng ý kiến thứ nhất là phù hợp với cấu trúc thể loại hơn cả; luồng ý kiến thứ hai đề cao nghệ thuật hư cấu nhưng phải thỏa mãn điều kiện: chỉ hư cấu trong phạm vi thể loại, không hư cấu tùy tiện, không xuyên tạc “lịch sử chính trị” của dân tộc; luồng ý kiến thứ ba buộc nhà văn phải biết chọn lựa các yếu tố từ “sử liệu” để tạo được sự quan tâm, thu hút người đọc, nếu không tác phẩm sẽ khô khan vì dày đặc kiến thức lịch sử, khó tiếp nhận.

Tiểu thuyết lịch sử phát triển vượt bậc, có ý nghĩa lớn, giáo dục truyền thống yêu nước, nhân đạo, chính nghĩa, yêu chuộng hòa bình, luôn có ý thức xây dựng đất nước phát triển giàu mạnh và bảo vệ từng tấc đất của tổ tiên.

Sự cách tân thể loại từ giai đoạn sau Đổi Mới (1986) đến nay còn thể hiện trên nhiều mặt như nội dung, hình thức nghệ thuật, sự phát triển đa xu hướng, chủ đề lịch sử được khám phá theo nhiều quan điểm và lối tư duy nghệ thuật khác nhau, tạo nên nhiều phong cách khác nhau.

Chương 2

XU HƯỚNG TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ BẮM SÁT SỬ LIỆU

2.1. Khái quát xu hướng tiểu thuyết lịch sử bám sát sử liệu

Trước sự phát triển của công nghệ thông tin, nhiều vấn đề lịch sử bị xuyên tạc trên không gian mạng xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến hình ảnh đất nước và đời sống tinh thần của nhân dân. Vì vậy, các nhà văn viết theo xu hướng tiểu thuyết lịch sử bám sát sử liệu muốn thể hệ trẻ yêu lịch sử, nắm chắc truyền thống lịch sử dân tộc để chống lại “sự xâm nhập của các sản phẩm văn hóa độc hại gây hủy hoại đạo đức xã hội”, chống lại những ảnh hưởng tiêu cực từ những thông tin xuyên tạc lịch sử

dân tộc trên mạng, giữ gìn hình ảnh đất nước, nâng cao lòng yêu nước, xây dựng cuộc sống hiện tại trong bối cảnh hội nhập toàn cầu...

Xuất phát từ quan điểm của lý luận văn học cho rằng văn học phải phản ánh hiện thực cuộc sống, xu hướng tiểu thuyết lịch sử bám sát sử liệu phản ánh chân thực lịch sử khách quan, miêu tả diễn biến của các sự kiện gắn với người thật, việc thật đã từng xảy ra trong quá khứ, nhằm phổ biến kiến thức lịch sử đến người đọc. Các nhà văn trong xu hướng bám sát sử liệu thường theo quan niệm truyền thống, cho rằng “lịch sử diễn ra chỉ một lần và không lặp lại” và “hoàn toàn cố định”, bất biến, không ai được phép thay đổi những cái đã xảy ra trong quá khứ gắn với nhân vật có thật và các sự kiện được chính sử ghi chép, nên họ đề cao yếu tố lịch sử, đặc biệt coi trọng các sự thật lịch sử được ghi chép trong sử liệu. Vì thế, các sự kiện lịch sử có thật được coi trọng, đề cao và đẩy lên bình diện hàng đầu, đóng vai trò trung tâm trong các lớp cấu trúc cốt truyện.

Tiểu thuyết lịch sử bám sát sử liệu xây dựng các hình tượng nghệ thuật chân thật, sống động dựa trên sự bám sát, theo đúng nguyên mẫu các nhân vật, sự kiện có thật được ghi chép trong sử liệu để tiệm cận đến những “nguyên mẫu ngoài đời” và “sự thật ngoài đời”. Khác với các nhà văn trong xu hướng đối thoại với sử liệu, các nhà văn trong xu hướng tiểu thuyết lịch sử bám sát sử liệu không đề cao việc hư cấu nhằm hoài nghi đảo lại lịch sử, phản biện, luận giải về những khả năng có thể xảy ra của lịch sử, không phục hiện lại lịch sử với các nhân vật có thật và sự kiện của quá khứ một cách “khác lạ” so với những gì cộng đồng đã biết trước từ các nguồn sử liệu.

Nhìn chung, xu hướng bám sát sử liệu kế thừa những thành tựu đã đạt được của văn học quá khứ, miêu tả con người của quá khứ trong mối quan hệ với cộng đồng quốc gia dân tộc và gắn chặt với các sự thật lịch sử được sử liệu ghi chép. Qua các tác phẩm của xu hướng này, ta thấy lịch sử được soi chiếu, phục dựng lại qua các trận chiến lớn, các sự kiện và biến cố lớn của dân tộc.

2.2. Một số đặc điểm nội dung của xu hướng tiểu thuyết lịch sử bám sát sử liệu

2. 2. 1. Nguyên lí chính nghĩa trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Xu hướng tiểu thuyết lịch sử bám sát sử liệu thường chú ý nhiều đến các nhân vật lịch sử, sự kiện có thật. Nhân vật “là phương tiện tư duy về hiện thực và định hướng giá trị của con người”[237; 118] và nhiệm vụ chủ yếu trong xây dựng nhân vật của nhà văn là “miêu tả con người cho sinh động”. Nhân vật là hình thức quan trọng để thể hiện “nội dung và tư tưởng chủ đề của tác phẩm”. *Nội dung quan trọng của xu hướng tiểu thuyết lịch sử chương hồi bám sát sử liệu chính thống được đề cập trong nhiều tác phẩm là nguyên lí chính nghĩa gắn với việc yên dân và dẹp nội chiến, chống xâm lược được thể hiện qua nhiều hình tượng nghệ thuật trong nhiều tác phẩm.*

Ví dụ trong tác phẩm “*Sông Côn mùa lũ*” của Nguyễn Mộng Giác, ta thấy nhà văn chọn lựa các sự kiện có thật, miêu tả người anh hùng Nguyễn Huệ luôn hành động vì chính nghĩa, *làm cho dân được sống trong yên bình, ấm no, hạnh phúc. Nguyên lí chính nghĩa còn thể hiện trong mối quan hệ giữa con người với con người dựa trên tình yêu thương và đạo lí nhân loại.* Đạo lí lớn lao, cao cả nhất của người lãnh đạo như Nguyễn Huệ là đặt vận mệnh của quốc gia dân tộc và lợi ích của nhân dân lên trên hết. Nhìn chung, xu hướng tiểu thuyết lịch sử bám sát sử liệu chính thống giáo dục truyền thống yêu nước, nhân đạo qua các tấm gương yêu nước. Đó là các bậc anh hùng tài trí hết lòng vì nước, đoàn kết muôn dân, xây dựng đất nước độc lập, tự chủ, giàu mạnh.

Tóm lại, xu hướng tiểu thuyết lịch sử bám sát sử liệu chính thống đặc biệt quán triệt tư tưởng trung thành với các sự thật lịch sử, đảm bảo nguyên tắc không xuyên tạc “lịch sử chính trị” của đất nước theo chiều hướng tiêu cực. Để khắc phục tính hàn lâm, khô cứng của chất liệu sáng tác từ các tư

liệu lịch sử của khoa học lịch sử, càng về sau ta thấy có nhiều nhà văn hư cấu lịch sử theo nguyên tắc thể loại, không né tránh những góc khuất lịch sử bằng tư duy tiểu thuyết.

2.2.2. Xây dựng hình tượng con người mang khát vọng lịch sử theo nguyên mẫu

2.2.2.1 Quan niệm nghệ thuật về con người

Xu hướng tiểu thuyết lịch sử chương hồi bám sát sử liệu miêu tả những con người có thật trong lịch sử để nhà văn tái hiện lại hiện thực lịch sử, thể hiện thế giới quan, nhân sinh quan và những tình cảm thẩm mỹ khi khám phá hiện thực đời sống, miêu tả các kiểu tính cách trong vô vàn các mối quan hệ xã hội qua các tiến trình lịch sử, hướng người đọc vươn tới những khát khao về cái đẹp hoàn thiện, toàn diện.

Bàn về vấn đề con người, các nhà văn quan tâm đến đời sống tinh thần, nội tâm và quá trình phát triển tâm lý theo bản năng tự nhiên của con người, coi con người có thể thay đổi bản chất, tính cách theo môi trường, hoàn cảnh. Con người luôn có sự thống nhất giữa mặt sinh học và mặt xã hội. Con người là đối tượng trung tâm, đối tượng thẩm mỹ thể hiện quan điểm nghệ thuật thẩm mỹ của nhà văn về hiện thực cuộc sống.

Các nhà văn thể hiện nhiều cách nhìn mới, toàn diện, phong phú, đa dạng, phức tạp về những con người có thật của lịch sử trong nhiều mối quan hệ xã hội, gắn với vận mệnh quốc gia dân tộc, trách nhiệm công dân và trong cuộc sống đời tư bằng thái độ khẳng định, ca ngợi, trân trọng, nâng niu, đề cao các mặt tích cực hoặc lên án, phê phán, tố cáo, phủ định các mặt tiêu cực, bất thiện trong con người. Con người được khám phá cả từ phương diện *con người xã hội* và từ *góc nhìn đời tư* thể sự đa chiều. Đặc biệt, sự miêu tả con người từ *góc nhìn thể sự đời tư* thể hiện sự cách tân của các nhà văn.

Ví dụ như các tác phẩm như “*Sông Côn mùa lũ*” của Nguyễn Mộng Giác, “*Thông reo Ngàn Hồng*” của Nguyễn Thế Quang, “*Tây Sơn bi hùng truyện*” của Lê Đình Danh, “*Hào kiệt Lam Sơn*”, “*Mười hai sứ quân*” của Vũ Ngọc Đĩnh, “*Phùng vương*” của Phùng Văn Khai...

2.2.2.2. Chuyện đại sự với hình tượng con người mang khát vọng lịch sử theo nguyên mẫu

Trong tiểu thuyết lịch sử chương hồi, nhân vật là hình thức để thể hiện con người, đặc biệt là *hình tượng con người xã hội gánh vác sứ mệnh lịch sử* được miêu tả theo đúng nguyên mẫu được ghi chép trong sử liệu chính thống, đặt trong những môi trường, hoàn cảnh lịch sử cụ thể. *Con người xã hội mang sứ mệnh lịch sử* luôn vượt lên trên mọi thử thách gian khổ khốc liệt của chiến tranh, buộc phải chọn lựa hoặc sống, hoặc cái chết. Qua đó, nhân vật bộc lộ sâu sắc những tình cảm thẩm mỹ, vẻ đẹp tâm hồn và những phẩm chất anh hùng, đạo đức cách mạng trong sáng. Đó là tình yêu thương đồng bào, lòng yêu nước, sự kiên định, trung thành, hi sinh tất cả để bảo vệ chủ quyền, nền độc lập, tự do của đất nước. Qua đó, các nhà văn khẳng định, ca ngợi, trân trọng, nâng niu, làm nổi bật vẻ đẹp tâm hồn, tài năng, tính cách, đề cao vai trò, vị trí của con người Việt Nam theo lối tư duy chính luận, phù hợp quy luật lịch sử và thời đại.

Con người mang khát vọng lịch sử gắn cuộc đời mình với vận mệnh của quốc gia dân tộc, được khắc họa rõ nét trong mối quan hệ với đời sống tập thể của quần chúng nhân dân, được *miêu tả theo đúng nguyên mẫu*. Đó là những con người có tư tưởng lớn, luôn hướng thiện, có khát vọng đổi mới, khao khát xây dựng một đất nước giàu mạnh. Điều này được thể hiện rõ qua các nhân vật như Nguyễn Huệ trong “*Tây Sơn bi hùng truyện*”, Nguyễn Công Trứ trong “*Thông reo Ngàn Hồng*”, Đinh Bộ Lĩnh trong “*Mười Hai Sứ Quân*”, ... Nhìn chung, nhân vật trong xu hướng này được *đặt vào những câu*

chuyện đại sự mang tính sử thi và chưa được phân tích sâu về mặt tâm lý bên trong, tính cách chưa được khắc họa rõ nét, mà chỉ được khắc họa ở phương diện ngoại hình, lời nói, hành động với lý tưởng bảo vệ chủ quyền của quốc gia dân tộc.

Tóm lại, xu hướng tiểu thuyết lịch sử bám sát sử liệu chú trọng đến các chuyện đại sự với hình tượng *con người xã hội mang khát vọng lịch sử* thể hiện sự nhận thức sâu sắc về lịch sử, để tìm ra các bài học quý báu cho hôm nay. Qua đó, nhà văn muốn gửi gắm những nhận thức sâu sắc về các giá trị nhân bản, các chân lý đời sống, những bài học lịch sử.

2.2.3. Chuyện thể sự đời tư với hình tượng con người trần thế

Một số nhà văn theo xu hướng *tiểu thuyết lịch sử bám sát sử liệu chính thống* đã nỗ lực *đổi mới* loại bằng việc bước đầu dần *hư cấu*, dần khám phá nhân vật có thật từ *góc nhìn thể sự*. Càng về sau, một số nhà văn trong xu hướng này dần chú ý tô đậm *chất thể sự* hơn, tạo ra nhiều nhân vật hư cấu hơn, nhưng chất thể sự vẫn mờ nhạt hơn so với hai xu hướng dụ ngôn hóa sử liệu và xu hướng đối thoại với sử liệu.

Tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại từ sau 1986 đến nay vẫn kế thừa các đặc điểm thể loại của giai đoạn trước, lấy *cảm hứng sử thi* từ lịch sử dân tộc để phản ánh các vấn đề lớn của thời đại, đồng thời chú trọng đến *cảm hứng thể sự đời tư*.

Ví dụ như nhân vật Huệ, An trong tác phẩm “*Sông Côn mùa lũ*” của Nguyễn Mộng Giác, nhân vật Nguyễn Công Trứ trong tác phẩm “*Thông reo Ngàn Hống*” của Nguyễn Thế Quang để làm sáng tỏ các vấn đề lý luận trong những luận điểm mà chúng tôi đã nêu.

Nhìn chung, tiểu thuyết lịch sử bám sát sử liệu bước đầu dần chú ý đến mô hình thể sự đời tư khi miêu tả nhân vật lịch sử có thật ở phương diện con người trần thế từ góc nhìn đời tư, khám phá những bí mật riêng tư, các trạng thái tâm lý hữu thức, vô thức phong phú, phức tạp trong tâm hồn con người. Điều này cũng khẳng định sự cách tân các lớp cấu trúc thể loại trên phương diện nội dung.

2.3. Một số đặc sắc nghệ thuật cơ bản của xu hướng tiểu thuyết lịch sử bám sát sử liệu

2.3.1. Đổi mới cấu trúc tiểu thuyết lịch sử chương hồi

Các tác giả theo xu hướng *viết tiểu thuyết lịch sử bám sát sử liệu chính thống* thường coi trọng việc tái hiện tuần tự *các sự kiện lịch sử* theo *thời gian tuyến tính* khách quan, dựng lại chân dung của các nhân vật có thật một cách sống động. Họ *đặc biệt tôn trọng yếu tố lịch sử*, không quan tâm nhiều đến việc hư cấu tâm lý của nhân vật, chất thể sự còn mờ nhạt, *tỉ lệ hư cấu ít hơn 2 xu hướng dụ ngôn hóa sử liệu và đối thoại với sử liệu*.

Các nhà văn viết theo xu hướng *tiểu thuyết lịch sử bám sát sử liệu* chịu ảnh hưởng rõ rệt bởi *lối viết của các nhà tiểu thuyết lịch sử chương hồi của Trung Quốc*. Song, họ cũng có sự cách tân đáng kể trong các lớp cấu trúc thể loại, thường đưa nhiều nhân vật, sự kiện lịch sử có thật vào thể giới nghệ thuật, chú ý miêu tả hành động theo đúng nguyên mẫu, dồn nhân vật vào *các sự kiện căng thẳng*, kịch tính, tạo các yếu tố bất ngờ để cuốn hút người đọc. Nhà văn thường chia làm nhiều “hồi”, đặt nhan đề cho mỗi hồi, dùng câu ngắt kết lại mỗi hồi theo mô típ “muốn biết sự việc ra sao, xin xem hồi sau phân giải” để kích thích trí tò mò, gây hứng thú, gợi sự chờ đợi, hồi hộp, lôi cuốn, hấp dẫn người đọc.

Xu hướng bám sát sử liệu chính thống *vẫn có những thể nghiệm đổi mới theo hướng hiện đại, không tuân thủ khung cấu trúc cổ điển*, được thể hiện ở việc chỉ đánh số La Mã I, II, III, IV, V... với nhan đề cụ thể thấu tóm nội dung chính của từng phần. Trong mỗi phần đánh số La Mã, tác giả chia

thành các chương và mỗi chương đều có các mệnh đề, cụm từ đối nhau chặt chẽ theo hai vế song song, làm nổi bật nội dung chính của cả chương. *Người kể chuyện tham gia bình luận* dưới hình thức của các câu văn vắn hoặc vắn xuôi. Ví dụ như “*Tây Sơn bi hùng truyện*” của Lê Đình Danh.

Tóm lại, không phải bất cứ tác phẩm nào viết theo xu hướng tiểu thuyết lịch sử bám sát sử liệu chính thống cũng có đầy đủ mọi biểu hiện hình thức kết cấu nói trên, mà chỉ có một vài biểu hiện của kiểu kết cấu tiểu thuyết chương hồi cổ điển. Các tác giả cũng không gò ép máy móc theo mọi biểu hiện hình thức của tiểu thuyết chương hồi cổ điển, mà có sự co giãn linh hoạt, năng động, thể hiện sự cách tân thể loại.

2.3.2. Kỹ thuật đa điểm nhìn

Một trong những biểu hiện nỗ lực *cách tân thể loại* của các nhà văn viết theo xu hướng bám sát sử liệu chính thống là dùng kỹ thuật đa điểm nhìn, di chuyển điểm nhìn toàn tri ở ngôi thứ ba sang điểm nhìn hạn tri ở ngôi thứ nhất xưng “tôi”, để cho nhiều nhân vật xưng tôi ở ngôi thứ nhất trực tiếp kể chuyện. Nhà văn bước đầu dần khám phá nhân vật có thật từ góc nhìn đời tư, dần hướng tới xây dựng nhân vật hư cấu hoàn toàn đan xen với nhân vật có thật để đi vào các vấn đề thế sự. Ví dụ như “*Sông Côn mùa lũ*” của Nguyễn Mộng Giác, “*Hào kiệt Lam Sơn*” của Vũ Ngọc Đĩnh.

Các nhân vật luân phiên đối thoại với nhau dày đặc, lúc này chủ thể trần thuật ở ngôi thứ 3 ẩn mình vắng mặt, không tham gia vào nội dung các câu chuyện đối thoại trực tiếp của các nhân vật hoặc xuất hiện với tần số ít ở bên ngoài các câu chuyện của các nhân vật để dẫn dắt, kết nối, xuyên chuỗi các câu chuyện, sự kiện liên quan đến các nhân vật trong các lớp cấu trúc, tạo nên một chỉnh thể nghệ thuật. Ví dụ như “*Hào kiệt Lam Sơn*” của Vũ Ngọc Đĩnh.

Nhìn chung, các nhà văn kết hợp linh hoạt, luân phiên giữa điểm nhìn toàn tri ở ngôi thứ ba ẩn mình sang điểm nhìn hạn tri của các nhân vật, di chuyển từ ngôi thứ ba sang ngôi thứ nhất rất linh hoạt để phục dựng lại lịch sử một cách cụ thể, chân thực, sống động. **Điều này thể hiện rõ sự cách tân thể loại** của các nhà văn. Nghệ thuật kể chuyện đa điểm nhìn như vậy sẽ làm tăng tính bất ngờ, khách quan, chân thực, tăng độ tin cậy của các câu chuyện được kể, tạo sức cuốn hút, sự thú vị, hấp dẫn, thuyết phục người đọc.

2.3.3. Kết cấu cốt truyện ghép mảnh

Kết cấu ghép mảnh là hình thức kết cấu mà trong toàn tác phẩm, nhà văn tái hiện, phục dựng lại những sự kiện lịch sử gắn với các nhân vật lịch sử có thật ở những khoảng không-thời gian khác nhau, mỗi sự kiện lịch sử gắn với các nhân vật lịch sử có thật là một mảnh chuyện nhỏ vừa có tính độc lập tương đối, vừa có quan hệ bổ sung, tương trợ nhau, giải thích, để tạo nên hệ thống gồm nhiều câu chuyện nhỏ được lắp ghép thành các lớp cấu trúc thống nhất gồm nhiều mạch trong toàn tác phẩm. Giữa các câu chuyện nhỏ có thể diễn ra sự ngắt quãng, đứt gãy, đảo ngược, xáo trộn, đồng hiện các chiều thời gian hiện tại- quá khứ- tương lai bằng hồi tưởng, hoài niệm, các giấc mơ của nhân vật và có sự gián cách, dịch chuyển về không gian. Ví dụ như “*Thông reo Ngàn Hống*” của Nguyễn Thế Quang.

Tóm lại, kết cấu ghép mảnh là một trong những thủ pháp, kỹ thuật hiện đại để tổ chức cốt truyện của tiểu thuyết lịch sử. Ta thấy các mảnh truyện độc lập gồm nhiều sự kiện lịch sử liên quan đến nhiều nhân vật lịch sử được cắt dán, ghép lại với nhau, đòi hỏi người tiếp nhận tác phẩm phải có vốn văn hóa, tầm hiểu biết sâu rộng về lịch sử, có quan điểm chính luận với thái độ tích cực, chủ động để kết

nổi các mảnh vụn rời rạc của hiện thực lịch sử, tìm ra mạch ngầm của văn bản, đảm bảo tuyệt đối không xuyên tạc “lịch sử chính trị” của đất nước.

2.3.4. Ngôn ngữ đa phong cách

Như chúng ta đã biết, F. De Saussure cho rằng “ngôn ngữ là một hệ thống kí hiệu tạo thành một kho tàng dự trữ trong tư duy con người”, là “phương tiện giao tiếp chung của xã hội”. Mỗi kí hiệu ngôn ngữ bao gồm “cái biểu đạt và cái được biểu đạt” gắn bó chặt chẽ, khăng khít với nhau như hai mặt của một tờ giấy.

Xu hướng ***bám sát sử liệu chính thống chú ý nhiều*** đến lớp ngôn ngữ mang tính chất tường thuật lại các sự kiện lịch sử có thật, mô tả hành động của nhân vật. Về sau, một số tác giả dần quan tâm khám phá nhân vật với tư cách là *con người trần thế*, thì lớp ngôn ngữ *thân thế* và lớp ***ngôn ngữ sinh hoạt*** hằng ngày được đan cài trong lời của người kể chuyện và lời của các nhân vật. Nhìn chung, lớp ngôn ngữ *thân thế* và lớp ngôn ngữ *sinh hoạt* cho thấy ***sự đổi mới của xu hướng tiểu thuyết lịch sử bám sát sử liệu*** khi bước đầu dần khám phá nhân vật lịch sử có thật trong *cảm hứng thế sự*.

Ngoài ra, nhà văn còn dùng *các từ ngữ cổ kính được phiên âm Hán Việt, ngôn ngữ chính luận* kết hợp với *ngôn ngữ sinh hoạt* và *ngôn ngữ dân gian* qua các thành ngữ, tục ngữ, ca dao được đúc kết từ cuộc sống lao động sản xuất, sinh hoạt hằng ngày. Ví dụ như “*Sông Côn mùa lũ*” của Nguyễn Mộng Giác.

2.3.5. Cấu trúc các lớp không gian tạo khung cốt truyện

2.3.5.1. Tạo sườn truyện bằng các lớp kết cấu không gian lịch sử cụ thể

Không gian nghệ thuật là hình thức tồn tại của hình tượng nghệ thuật trong một khung cảnh nhất định của thế giới nghệ thuật, là sản phẩm sáng tạo của nghệ sĩ dựa trên nguồn sử liệu, nhằm biểu hiện con người và thể hiện quan điểm thẩm mỹ về đời sống. Không gian lịch sử cụ thể gắn với các địa danh và sự kiện có thật mà nhân vật lịch sử hoạt động. Ví dụ như *Sông Côn mùa lũ* của Nguyễn Mộng Giác.

Tóm lại, trong tiểu thuyết lịch sử, không gian gắn với sự di chuyển của các nhân vật lịch sử có thật và nhân vật hư cấu hoàn toàn, là nơi diễn ra các sự việc bộc lộ tâm lý, tính cách nhân vật. Không gian nghệ thuật thường được nhà văn miêu tả qua các địa điểm, nơi chốn cụ thể làm khung phông nền để phát huy tính hư cấu, triển khai các lớp cấu trúc hình tượng bên trong tác phẩm. Nhìn chung, các nhà văn đã tổ chức các lớp kết cấu không gian lịch sử cụ thể rất rộng, mang tính xã hội cho hệ thống nhân vật hoạt động.

2.3.5.2. Hư cấu tâm lý nhân vật qua các lớp kết cấu không gian tâm tưởng

Trong các bộ tiểu thuyết lịch sử, để triển khai tư tưởng luận giải chủ quan của mình trong việc giải quyết vấn đề lịch sử và đi sâu vào cảm hứng thế sự, các tác giả đã vận dụng đến không gian tâm tưởng. Việc luận giải không thể được triển khai trên không gian địa lý của các cuộc chinh chiến và trận mạc, mà nó chỉ có thể diễn ra trong không gian tâm tưởng, tâm lý của nhân vật. Không gian tâm tưởng tồn tại trong những suy nghĩ nội tâm, cảm nhận, các trạng thái tâm lý, giấc mơ của các nhân vật. Ví dụ như *Thông reo Ngàn Hồng* của Nguyễn Thế Quang.

Không gian địa điểm vật chất- tâm lý là hình thức tồn tại của thế giới nghệ thuật, mang tính lưỡng diện ước lệ tượng trưng của mô hình địa điểm vật chất - đạo lý, khái quát quan niệm, cảm xúc, tư

tương thẩm mỹ của con người.

Tóm lại, các nhà văn đã cắt dán, lắp ghép tinh xảo, linh hoạt *các mảnh không gian lịch sử-xã hội mang tính địa điểm-vật thể và nhiều lớp không giác giàu ý nghĩa biểu tượng, để tạo nên thế giới nghệ thuật sống động.* Không gian nghệ thuật là một trong những nguyên tắc, yếu tố then chốt tạo nên cấu trúc của tiểu thuyết lịch sử.

Tiểu kết chương 2

Tóm lại, giai đoạn đương đại từ năm 1986 đến nay, một số tác giả vẫn viết theo mô típ của tiểu thuyết lịch sử chương hồi cổ điển với việc *đặc biệt trung thành, tôn trọng lịch sử gắn với sự kiện và nhân vật có thật.*

Sự ảnh hưởng của tiểu thuyết chương hồi Trung Quốc còn thể hiện qua nghệ thuật hư cấu, dùng *các yếu tố tưởng tượng kỳ ảo, miêu tả giấc mơ, điềm báo trong giấc mơ và nghệ thuật hư cấu* được kiểm soát chặt chẽ, phù hợp theo nguyên tắc thể loại. Phần mở đầu mỗi “hồi” thường có các câu văn biền ngẫu cổ điển, đối nhau rất chặt chẽ giữa các vế để thu tóm nội dung chính của mỗi “hồi”. Kết thúc mỗi “hồi” thường có các câu kết mở để gây hứng thú, tạo sức lôi cuốn, hấp dẫn, kích thích trí tò mò của người đọc.

Nhìn chung, các tác giả viết theo xu hướng này *thiên về việc mô tả lịch sử*, chú ý miêu tả hành động nhân vật, đẩy nhân vật vào nhiều trận đánh hồi hộp, căng thẳng, kịch tính, tạo sự bất ngờ, gây hồi hộp ở người đọc. Đây là một số điểm khác biệt của xu hướng tiểu thuyết lịch sử chương hồi bám sát sử liệu chính thống so với xu hướng tiểu thuyết lịch sử đối thoại với sử liệu.

Chương 3

XU HƯỚNG TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ DỰ NGÔN HÓA SỬ LIỆU

Tính chất dự ngôn trong xu hướng này được thể hiện qua hình thức cốt truyện gồm những câu chuyện dài kể bằng văn xuôi tự sự cỡ lớn về các triều đại gắn với *chuỗi sự kiện và nhân vật có thật bằng giọng điệu giáo huấn nghiêm túc*, nhằm gửi đến người đọc *những bài học giáo huấn* đậm tính nhân văn hay một triết lý sống. Xu hướng tiểu thuyết lịch sử dự ngôn hóa sử liệu buộc nhà văn phải tuân thủ chặt chẽ nguyên tắc thể loại trong việc kết hợp hài hòa giữa yếu tố “lịch sử” và “hư cấu” để truyền tải các bài học giáo huấn. Các nhân vật trong xu hướng tiểu thuyết lịch sử mang tính dự ngôn hiện lên trên trang viết là những con người luôn lựa chọn đạo lí trong những tình huống lịch sử đầy khó khăn, thử thách và hành động theo các chuẩn mực đạo đức.

3.1. Khái quát về xu hướng tiểu thuyết lịch sử dự ngôn hóa sử liệu

Các nhà văn trong xu hướng này xuất phát từ hoàn cảnh thực tế, đó là các phim lịch sử của nước ngoài được công chiếu rộng rãi ở Việt Nam. Giới trẻ Việt Nam thông thạo lịch sử nước ngoài hơn lịch sử nước nhà. Vì thế, một số nhà văn muốn dự ngôn hóa sử liệu dùng văn để giáo dục thế hệ trẻ, khơi dậy lòng yêu nước, truyền thống nhân đạo, niềm tự hào dân tộc qua các vấn đề lịch sử. Hoàng Quốc Hải là nhà văn tiêu biểu cho khuynh hướng tiểu thuyết lịch sử dự ngôn hóa sử liệu mang tính giáo huấn.

Nội dung giáo huấn được đề cập đến trong các sáng tác của ông như *giáo huấn về lòng yêu nước, đạo trị bình, giáo huấn về các bài học đạo đức, truyền thống nhân đạo, nhân cách, đạo lý làm người....* Ví dụ như “*Tám triều vua Lý*” và “*Bão táp triều Trần*” của Hoàng Quốc Hải.

Tóm lại, nhà văn theo xu hướng tiêu thuyết lịch sử dụ ngôn hóa sử liệu còn đổi mới trong *lối tư duy chính luận khá sắc sảo, đậm chất giáo huấn sư phạm, tràn đầy cảm hứng yêu nước và tinh thần nhân văn*. Họ đặc biệt coi trọng tính cân đối hài hòa, hợp lý giữa “lịch sử” và “hư cấu văn chương” để tạo ra nhiều hình tượng thâm mỹ thật sự thuyết phục được người đọc nhằm mục đích giáo huấn.

3.2. Nội dung giáo huấn thực tiễn mang ý nghĩa thời sự

3.2.1. Giáo huấn về lòng yêu nước

Một trong những đổi mới quan trọng của xu hướng tiêu thuyết lịch sử dụ ngôn hóa sử liệu nhằm giáo huấn là *lối tư duy chính luận sắc sảo, tràn đầy cảm hứng yêu nước của tác giả, lối viết đậm tính giáo huấn sư phạm, giàu giá trị nhân văn nhằm mục đích giáo huấn về truyền thống yêu nước, chuộng hòa bình, chính nghĩa của dân tộc qua trường kỳ lịch sử*. Các bài học giáo huấn được thể hiện qua các lời răn dạy của các nhân vật như vua Trần Thái Tông, vua Trần Nhân Tông,...trong “*Bảo táp triều Trần*” của Hoàng Quốc Hải.

Xu hướng tiêu thuyết lịch sử dụ ngôn hóa sử liệu rất chú trọng việc kết hợp tài tình giữa yếu tố lịch sử và hư cấu để sắp xếp, miêu tả nhiều hình tượng nghệ thuật mang tư tưởng *giáo huấn đạo trị bình, giáo dục truyền thống yêu nước* như hình tượng nhân vật vua Lý Thái Tổ trong “*Tám triều vua Lý*” của Hoàng Quốc Hải.

Nhìn chung, *tuyến nhân vật có thật* gồm có các nhân vật chính diện, đóng vai trò là nhân vật chính, được xây dựng theo **kiểu cấu trúc nhân vật tính cách**, theo nguyên mẫu kết hợp với hư cấu, đại diện cho chính nghĩa, sự tiến bộ, cái đẹp, cái thiện, chân lí, tiêu biểu cho tinh hoa văn hóa của thời đại để gửi gắm các bài học giáo huấn. Lời nói và hành động, tâm lý của *nhân vật tính cách* được miêu tả nhất quán trong toàn tác phẩm.

3.2.2. Giáo huấn về chính trị - tôn giáo

Một trong những biểu hiện của sự cách tân thể loại về mặt nội dung của các tác phẩm thuộc xu hướng tiêu thuyết lịch sử dụ ngôn hóa sử liệu nhằm mục đích giáo huấn, đó là đề cập đến các vấn đề tôn giáo gắn với con người tâm linh nhằm gửi gắm các bài học giáo huấn về chính trị.

Trước hết, chúng tôi hiểu cụm từ “con người tâm linh” là khái niệm miêu tả con người trong các vấn đề tôn giáo, văn hóa tâm linh. Con người tìm đến với văn hóa tâm linh để sống bình thản, hướng thiện, giải quyết các việc đại sự của quốc gia dân tộc và cuộc sống nhân sinh thế sự. Ví dụ như “*Tám triều vua Lý*” của Hoàng Quốc Hải.

Các nhà văn đổi mới trong việc không né tránh các vấn đề tâm linh, mà phân tích nó trong mối quan hệ với văn hóa phong tục, tôn giáo, tín ngưỡng của dân tộc... để “thăm hiểm” đáy sâu vô tận đời sống tinh thần của con người, hướng đến mục tiêu chính trị đúng đắn. Song, nhà văn cũng ngăn chặn vấn đề cuồng tín tôn giáo, ngăn chặn sự lợi dụng niềm tin tôn giáo nhằm tư lợi mà lừa bịp dân chúng theo tà đạo, gây những tác động xấu đến xã hội.

3.2.3. Giáo huấn về vấn đề đại đoàn kết dân tộc

Xu hướng tiêu thuyết lịch sử dụ ngôn hóa sử liệu phản ánh những vấn đề trọng đại của quốc gia dân tộc, nhằm giáo huấn bài học phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc và tư tưởng “*lấy dân làm gốc*” qua việc phản ánh số phận của cá nhân và *vai trò của quần chúng nhân dân* trong lịch sử. Nhân dân là chủ thể làm nên lịch sử, có vai trò quan trọng gánh sứ mệnh đó cùng với triều đình.

Nhà văn viết theo xu hướng tiêu thuyết lịch sử dụ ngôn hóa sử liệu đã miêu tả rất tinh tế, sâu sắc tâm lý chung của quần chúng nhân dân như lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết, gắn bó thủy chung với

cách mạng và kháng chiến, miêu tả tình nghĩa đồng bào, đồng chí, tình quân dân cá nước thấm thiết sâu nặng, tình cảm tiên tuyến hậu phương... nhằm giáo huấn vấn đề đại đoàn kết dân tộc. Tất cả mọi tầng lớp nhân dân đều hướng về triều đình để xây dựng và bảo vệ non sông đất nước. Ví dụ như “*Tám triều vua Lý*” và “*Bão táp triều Trần*” của Hoàng Quốc Hải.

Tóm lại, đại đoàn kết dân tộc là vấn đề quan trọng để thực hiện chiến lược xây dựng và bảo vệ đất nước. Các nhà lãnh đạo cần thấy được sức mạnh của nhân dân trong việc bảo vệ chủ quyền quốc gia, thấu hiểu lòng dân, lắng nghe, tiếp thu ý kiến của dân, chăm lo, mang lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân để dân giàu nước mạnh.

3.2.4. Giáo huấn về chủ nghĩa nhân đạo

Các tác phẩm viết theo xu hướng tiểu thuyết lịch sử dụ ngôn hóa sử liệu còn gửi đến người đọc các bài học giáo huấn về truyền thống nhân đạo ẩn sâu trong nhiều hình tượng nghệ thuật gắn với các hình thức giáo dục đa dạng. Đó cũng có thể là hình thức giáo dục trừ bỏ, kháng lại “sự tha hóa của con người” hay “tồn tại xã hội ngày càng tha hóa”, *phản tiếp nhận cũng là một hình thức tiếp nhận để thanh lọc, hướng tới giá trị nhân đạo và cái Chân- Thiện- Mỹ*.

Xu hướng tiểu thuyết lịch sử dụ ngôn hóa sử liệu phản ánh các sự thật lịch sử trên tinh thần nhân đạo. *Nguyên tắc nhân đạo* được thể hiện rõ qua quan điểm nhân đạo, tình cảm thẩm mỹ, thái độ cảm phục, trân trọng, cảm thông, chia sẻ hoặc lên án, phê phán, tố cáo các hiện tượng tiêu cực của các nhà văn khi phản ánh lịch sử và miêu tả con người trong tác phẩm.

Việc chú ý đến khám phá nhân vật từ góc nhìn *thế sự đời tư* bằng quan điểm nhân đạo với *lối tư duy chính luận sắc sảo đã* thể hiện sự *cách tân, đổi mới* của nhà văn để gửi gắm các bài học giáo huấn sâu sắc, triết lý về tình yêu, hạnh phúc của con người. Ví dụ như trong “*Tám triều vua Lý*” (Lý Thường Kiệt) và “*Bão táp triều Trần*” (Trần Hưng Đạo) của Hoàng Quốc Hải.

Tóm lại, xu hướng tiểu thuyết lịch sử dụ ngôn hóa sử liệu gửi gắm nội dung giáo huấn về truyền thống nhân đạo, các bài học đạo lý sâu sắc qua các hình tượng nghệ thuật và tình cảm thẩm mỹ của nhà văn, kiểm tìm các giá trị nhân bản giàu “tính người”, hướng đến các giá trị Chân- Thiện- Mỹ, thúc đẩy sự phát triển đi lên tốt đẹp của xã hội.

3.3. Các hình thức nghệ thuật nổi bật của xu hướng tiểu thuyết lịch sử dụ ngôn hóa sử liệu

3.3.1. Đan xen người kể chuyện toàn tri và hạn tri

Điểm nổi bật thể hiện sự cách tân nghệ thuật của xu hướng tiểu thuyết lịch sử dụ ngôn hóa sử liệu là ở kỹ thuật đa điểm nhìn được hoán đổi liên tục từ người kể chuyện toàn tri ẩn mình sang người kể chuyện là các nhân vật để gửi gắm các nội dung giáo huấn.

Chủ thể trần thuật toàn tri biết trước tất cả, kể một cách trung thực bằng điểm nhìn bên ngoài, điều khiển mạch truyện hợp với logic lịch sử, kể về mọi điều nằm ngoài ý muốn của chính anh ta, đảm bảo nguyên tắc về “tính chân thật lịch sử” của thể loại tiểu thuyết lịch sử. Ví dụ như *điểm nhìn* trong tác phẩm “*Tám triều vua Lý*” của Hoàng Quốc Hải

Tóm lại, bố cục trần thuật có *sự đổi mới, đan xen, di chuyển từ điểm nhìn toàn tri ẩn mình sang nhiều điểm nhìn hạn tri của các nhân vật* một cách linh hoạt, làm tăng tính khách quan, chân thật lịch sử, đảm bảo các yêu cầu và nguyên tắc thể loại.

3.3.2. Ngôn ngữ chính luận

Ba xu hướng đều sử dụng lớp từ ngữ chính trị mang phong cách chính luận để phục hiện nhân

vật lịch sử có thật, tường thuật sự kiện lịch sử có thật, làm sống lại lịch sử dân tộc, thể hiện quan điểm chính trị sâu sắc.

Trong tiểu thuyết lịch sử, ngôn từ là chất liệu xây dựng các hình tượng nghệ thuật giàu hình ảnh, cảm xúc thẩm mỹ có tác động sâu sắc, bồi dưỡng, thanh lọc tâm hồn, hướng đến những tình cảm thẩm mỹ, nâng cao phẩm cách, sáng tạo, cải tạo các hoạt động sống theo cái đẹp, cái thiện. Ví dụ như ngôn ngữ trong tác phẩm tiêu biểu như “*Tám triều vua Lý*”, “*Bão táp triều Trần*” của Hoàng Quốc Hải.

Nhìn chung, cá tính sáng tạo của Hoàng Quốc Hải thể hiện ở lối tư duy chính luận độc đáo, mang tính “nguyên tắc”, dùng nhiều phép tu từ ở các cấp độ ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp. Vì thế, giọng điệu, cấu trúc, chức năng của nhiều câu văn mang tính giáo huấn, tuyên truyền, vận động, hướng xã hội theo lập trường chính trị của người công dân yêu nước, luôn suy nghĩ và hành động vì nhân dân, xây dựng và bảo vệ vững chắc đất nước.

3.3.3. Thời gian tuyến tính biên niên sử

Thời gian tuyến tính được trần thuật thẳng theo chiều của *thời gian vật lý* vận hành theo quy luật của tạo hóa với *các mốc thời gian biên niên* cụ thể gắn với sự kiện lịch sử có thật mà nhà văn không thể hư cấu các mốc thời gian thực gắn với sự kiện lịch sử có thật đã được chính sử ghi chép. Ví dụ như mạch *thời gian tuyến tính* trong tác phẩm “*Tám triều vua Lý*” của Hoàng Quốc Hải.

Thời gian tuyến tính gắn với các năm mang tính biên niên sử gắn với *thời gian lịch sử của các triều đại* được tổ chức dày đặc trong tác phẩm, làm cơ sở để nhà văn tổ chức các lớp kết cấu cốt truyện. Trục *thời gian tuyến tính* theo mạch thẳng với các sự kiện lịch sử có thật đã được chính sử ghi chép gắn liền một số *mốc thời gian cụ thể* là khung chính của tác phẩm, tạo cơ sở để nhà văn hư cấu, đan dệt các lớp *thời gian đa chiều*, làm lịch sử hiện lên chân thật, sống động, đảm bảo nguyên tắc thể loại: tôn trọng lịch sử và hư cấu hợp lý trong giới hạn cho phép.

Tóm lại, hình thức nổi bật của tiểu thuyết lịch sử là hình thức tổ chức *thời gian tuyến tính khách quan* theo mạch thẳng, đảm bảo nguyên tắc tôn trọng sự thật khách quan của lịch sử trong cấu trúc thể loại, tạo khung viên để nhà văn tổ chức các lớp hình tượng nghệ thuật của cốt truyện.

3.3.4. Hư cấu các lớp thời gian đa chiều

Việc tổ chức kết hợp *thời gian tuyến tính* và *thời gian đa chiều* là một trong những nguyên tắc, yêu cầu cơ bản, không thể thiếu trong cấu trúc thể loại. Tiểu thuyết lịch sử ngày càng chú trọng miêu tả *con người thế sự đời tư*, khám phá các tầng bậc tâm lý sâu thẳm trong tâm hồn con người. Vì thế bên trong mạch *thời gian tuyến tính* được chen ngang bằng nhiều *mảnh thời gian đa chiều* để mở rộng phạm vi hiện thực, nói rộng cốt truyện. Ví dụ các lớp *thời gian đa chiều* trong tác phẩm *Tám triều vua Lý* của Hoàng Quốc Hải.

Thời gian trần thuật là thời gian để hiểu biết, tiếp nhận câu chuyện, nên nó là “thời gian kép” của thời gian cái được kể và thời gian của hành động kể, có mối quan hệ gắn chặt với *thời gian câu chuyện- thời gian diễn biến của các sự kiện*, nếu không có *các sự kiện* thì khó có thể gây được “sự chờ đợi” của người đọc, kéo theo *thời gian trần thuật* cũng không tồn tại.

Tóm lại, việc nhà văn kết hợp *thời gian tuyến tính* và *thời gian đa chiều* là một trong những nguyên tắc, không thể thiếu trong cấu trúc thể loại, góp phần làm nên đặc sắc nghệ thuật, khẳng định những nỗ lực cách tân đáng kể của tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại.

Tiểu kết chương 3

Tóm lại, xu hướng tiểu thuyết lịch sử dụ ngôn hóa sử liệu *viết theo lối giáo huấn sư phạm chuẩn mực nhằm gửi đến người đọc các bài học giáo huấn sâu sắc, hấp dẫn, thú vị, đầy sức thuyết phục. Nhiều nội dung giáo huấn thực tiễn mang ý nghĩa thời sự được truyền đến người đọc, góp phần xây dựng, bảo vệ và đổi mới đất nước như: giáo huấn về lòng yêu nước, gìn giữ hòa bình, đạo trị bình, nghệ thuật quân sự, giáo huấn về chính trị- tôn giáo, vấn đề đại đoàn kết dân tộc, tư tưởng “lấy dân làm gốc”, giáo huấn về đạo lý qua chủ nghĩa nhân đạo...*

Xu hướng tiểu thuyết lịch sử dụ ngôn hoá sử liệu đảm bảo nguyên tắc thể loại, kết hợp hài hòa yếu tố “lịch sử” và “ hư cấu”, một biểu hiện đổi mới dễ nhận thấy trong tư duy nghệ thuật của nhà văn, đó là lối tư duy chính luận sắc sảo, tràn đầy cảm hứng yêu nước và tinh thần nhân đạo. Nhà văn dùng lớp ngôn ngữ chính luận đậm chất giáo huấn sư phạm, đan xen các lớp thời gian tuyến tính biên niên sử và hư cấu các lớp thời gian đa chiều.

Chương 4

XU HƯỚNG TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ ĐỐI THOẠI VỚI SỬ LIỆU

Xuất phát từ lý thuyết đối thoại của M. Bakhtin, cho rằng đối thoại là “bản chất của ý thức và tư duy con người” thông qua ngôn ngữ và “ở đâu có nhận thức thì ở đó có đối thoại”, những nhà văn thuộc xu hướng đối thoại với sử liệu muốn thể hiện ý thức nhận thức lại các vấn đề lịch sử thông qua đối thoại bằng nhiều lối tư duy nghệ thuật khác nhau, tạo nên nhiều tiếng nói đa giọng điệu, đa âm sắc về các sự kiện, nhân vật có thật tưởng chừng như đóng đinh, bất biến, cố định trong sử liệu. Xu hướng này thể hiện sự cách tân thể loại trên tinh thần nhận thức lại lịch sử bằng hư cấu, trải nghiệm cá nhân về lịch sử. Các nhà văn theo xu hướng này muốn thoát khỏi lối viết truyền thống bằng yếu tố hư cấu về những điều có thể xảy ra của lịch sử, dự phóng về một “lịch sử mới” qua những trải nghiệm của cá nhân về lịch sử. Họ dựa trên lý thuyết đối thoại của Bakhtin nêu lên nguyên lý lời nói con người luôn mang tính đối thoại về mặt tư tưởng, quan điểm. Vì thế, họ chủ trương đối thoại ở lối tư duy, ý thức, quan niệm nghệ thuật và cách kể chuyện, tạo ra nhân vật hư cấu hoàn toàn để làm sống lại không khí lịch sử thời đại.

Nhiều nhà văn miêu tả nhân vật theo nguyên lý đối thoại trên nhiều cấp độ, còn thể hiện trong mối quan hệ giữa con người với con người, mối quan hệ giữa nhân vật với nhân vật, nhân vật phân thân, tự tách mình để đối thoại với chính nó, nhà văn và nhân vật, người đọc- nhân vật, nhà văn- người đọc, ...

Một số nhà văn viết theo xu hướng này còn đối thoại trong tư duy văn hóa nhằm giải thiêng thần tượng, hạ bệ nhân vật lịch sử có thật, phản biện lại lối tư duy truyền thống. Qua đó, nhà văn biện giải, đánh giá lại một số vấn đề lịch sử, mượn lịch sử như là cái cớ để nhận thức lại các giá trị lịch sử, chiến tranh bằng quan điểm nghệ thuật thẩm mỹ, nhân văn, diễn giải lại những góc khuất lịch sử, hư cấu giả định, xoáy vào số phận con người, luận giải yếu tố văn hóa nguồn cội kết tinh bản sắc văn hóa Việt.

4.1. Khái lược về xu hướng tiểu thuyết lịch sử đối thoại với sử liệu

Xu hướng tiểu thuyết lịch sử đối thoại với sử liệu hoài nghi lịch sử, muốn thay đổi cái nhìn về lịch sử, lấp đầy những “điểm trắng” của lịch sử bằng sự hư cấu về những điều có thể xảy ra trong lịch

sử nhằm giải thích lại lịch sử bằng những trải nghiệm cá nhân, rút ra các bài học nhân sinh cho cuộc sống đương đại.

Xu hướng *đối thoại với sử liệu* có các nhà văn nổi bật như Nguyễn Xuân Khánh, Nguyễn Quang Thân, Võ Thị Hảo, Nam Dao... Họ *đề cao nghệ thuật hư cấu* để dự phóng về những điều có thể xảy ra xung quanh các sự kiện có thật mà sử liệu không ghi chép, luận giải lịch sử từ góc nhìn thế sự, lịch sử kết đọng trong chiều sâu số phận con người trước biến động lịch sử, khai thác *tâm lý*, văn hóa, phong tục...

Các nhà văn trong *xu hướng tiểu thuyết lịch sử đối thoại với sử liệu* không quan tâm nhiều đến sự thật lịch sử khách quan được nhìn nhận, đánh giá bởi quan niệm trong chính sử, mà quan niệm lịch sử có sự co giãn, có một “lịch sử mới” được cảm nhận ở góc độ cá nhân. Các nhà văn theo xu hướng này thường đi sâu vào các yếu tố luận đề, tâm lý, *thiên về sự hư cấu sáng tạo một cách tự do trên phong nền của tư liệu lịch sử*. Họ coi lịch sử chỉ là “cái đỉnh” để “treo những bức họa”, thường chọn ít sự kiện lịch sử, tạo ra nhiều nhân vật hư cấu phản ánh không khí lịch sử, biến cố, xung đột của thời đại để tạo khung cốt truyện, luận giải lịch sử bằng những trải nghiệm cá nhân.

Tiểu thuyết lịch sử đối thoại với sử liệu đã gây hứng thú, lôi cuốn, hấp dẫn người đọc bởi sự hư cấu sáng tạo, chiêm nghiệm, luận giải độc đáo, mới lạ của nhà văn dựa trên sự neo đậu mỏng manh vào các sự thật lịch sử xác tín theo nguyên tắc thể loại. Điều này cũng thể hiện *những cách tân đáng kể* và sự phát triển phong phú, đa dạng của tiểu thuyết lịch sử từ 1986 đến nay.

4.2. Nội dung luận giải cụ thể trên tinh thần đối thoại

4.2.1. Đối thoại về các vấn đề tâm linh

Xu hướng đối thoại với sử liệu thường đào sâu vào lĩnh vực văn hóa, phong tục bằng bút pháp *huyền thoại hóa* cũng là một *hướng khám phá mới về lịch sử*, góp phần *đổi mới thể loại* trong tiến trình phát triển của tiểu thuyết nói riêng và văn học Việt Nam đương đại nói chung. Các nhà văn không né tránh lĩnh vực văn hóa tâm linh tôn giáo như trước đây. Nhìn chung, các nhà văn luôn đứng trên quan điểm biện chứng tích cực, tư tưởng nhân đạo, tình yêu thương con người, tiếp thu các giá trị Chân- Thiện- Mỹ, chất lọc tinh hoa tôn giáo nhân loại để thúc đẩy sự phát triển của xã hội và lên án, phê phán, tố cáo, loại bỏ các hiện tượng tôn giáo cực đoan, tiêu cực.

Các nhà văn luôn quan tâm đến lĩnh vực tôn giáo gắn với đời sống tinh thần của con người, coi nó như một giải pháp tinh thần tích cực để nuôi dưỡng nhân tâm con người hướng thiện, nhân đạo hóa con người mà không mê tín dị đoan theo tà đạo. Ví dụ như các tác phẩm “*Hồ Quý Ly*”, “*Mẫu thượng ngàn*”, “*Đội gạo lên chùa*” của Nguyễn Xuân Khánh; “*Giàn thiêu*” của Võ Thị Hảo...

Nhà văn đã đưa các vấn đề tôn giáo tâm linh gắn với quan điểm biện chứng, tích cực, tràn đầy lòng yêu nước, trách nhiệm công dân, hướng về nhiệm vụ thực tiễn của đất nước chống giặc ngoại xâm.

Nhà văn luận giải về văn hóa tâm linh một cách xúc động qua những góc khuất lịch sử với cuộc đấu tố trong cải cách ruộng đất để luận giải về số phận con người, những khổ đau, oan trái, tức tưởi, sai lầm của con người trong lịch sử. Ví dụ như hình ảnh sư Vô Úy trong “*Đội gạo lên chùa*” của Nguyễn Xuân Khánh.

4.2.2. Đối thoại về lịch sử đổi mới và thống nhất đất nước

Trong xu hướng tiểu thuyết lịch sử đối thoại với sử liệu, một số nhà văn cũng đưa một số ít nhân

vật lịch sử có thật vào tác phẩm để tạo khung cốt truyện theo nguyên tắc thể loại nhằm *luận giải về các vấn đề lịch sử, hư cấu dự phóng về những khả năng có thể xảy ra của lịch sử, đánh giá nhân vật có thật một cách khách quan, công bằng, dân chủ trên tinh thần không hiểu sai bản chất lịch sử*. Ví dụ như “*Hồ Quý Ly*” của Nguyễn Xuân Khánh.

Nguyễn Xuân Khánh muốn đảo lại lịch sử để đánh giá lại nhân vật Hồ Quý Ly một cách công tâm, khách quan qua những nghi vấn về lịch sử để thay đổi cái nhìn của các nhà sử học xưa nay vẫn thường lên án, tố cáo Hồ Quý Ly. Nguyễn Xuân Khánh luận giải về *khát vọng đổi mới và thống nhất đất nước* cũng như những sai lầm, thất bại của nhân vật Hồ Quý Ly qua bi kịch lịch sử, để từ đó rút ra nhiều bài học sâu sắc.

Nguyễn Xuân Khánh không hư cấu tùy tiện, mà chỉ hư cấu ở giới hạn cho phép của thể loại để luận giải, giải thích một cách cụ thể, chân thực, xác tín, sát đúng theo tinh thần lịch sử gắn với các sự thật lịch sử được ghi chép trong chính sử. Nhà văn nhận thức lại lịch sử, viết đảo lại lịch sử bằng cái nhìn nhân văn, nhân đạo, không định kiến, không cực đoan, khám phá những mặt “công và tội”, phân tích, luận giải những mặt tích cực, tiến bộ, khẳng định “công” của Hồ Quý Ly đối với lịch sử một cách trung thực, công bằng, khách quan.

Qua đó, nhà văn nêu lên *những bài học kinh nghiệm đến nay vẫn còn nguyên tính thời sự và ý nghĩa thực tiễn sâu sắc*: con người đương đại rút ra được bài học giữ nước: cần ý thức sâu sắc sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc, có chiến lược quân sự phù hợp, phải lấy dân làm gốc, chăm lo cho dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, đoàn kết mọi tầng lớp nhân dân để nhân dân giữ nước dưới sự lãnh đạo của triều đình.

4.2.3. Đối thoại về bản thể con người

Khi đề cập đến *con người thế sự*, các nhà văn đã mở rộng, đào sâu, có nhiều cách nhìn mới về con người khi miêu tả đời sống tự nhiên gắn với *con người bản năng* trong cấu trúc nhân cách của con người. *Điều này cũng thể hiện sự đổi mới trong các lớp kết cấu thể loại của xu hướng đối thoại với sử liệu so với xu hướng bám sát sử liệu- ít miêu tả phần vô thức bản năng của con người trần thế trong cuộc sống đời tư*.

Xu hướng tiểu thuyết lịch sử đối thoại với sử liệu thể hiện sự đổi mới về nội dung khi khám phá *con người bản năng* gắn với khát vọng tình yêu, không né tránh việc miêu tả, luận giải phần vô thức bản năng luôn bị chế ngự bởi các quan niệm văn hóa, đạo đức xã hội. Ví dụ như “*Hồ Quý Ly*” của Nguyễn Xuân Khánh miêu tả tình yêu của vua Thuận Tông với cung nữ Ngọc Kiểm, tình yêu của Hồ Nguyên Trừng và Thanh Mai. Nhà văn luận giải bằng cái nhìn văn hóa gắn với khát vọng tình yêu rất nhân văn của con người trần thế.

Nhìn chung, các nhà văn miêu tả con người thế sự đời tư gắn với phần vô thức bản năng và hữu thức đầy trách nhiệm, giá trị nhân văn, nhân bản. Đây cũng là *điểm mới* của xu hướng đối thoại với sử liệu so với xu hướng bám sát hay dụ ngôn hóa sử liệu.

4.2.4. Đối thoại về lịch sử kết đọng trong chiều sâu số phận con người

Xu hướng đối thoại với sử liệu không quan tâm nhiều đến yếu tố “lịch sử”, chỉ có *số lượng ít các sự kiện, nhân vật có thật được điếm qua để làm khung nền, tác giả dồn trọng tâm tô đậm các nhân vật hư cấu hoàn toàn, luận giải lịch sử bằng những trải nghiệm cá nhân về lịch sử gắn với số phận con người, đậm chất thế sự*. Ví dụ như tác phẩm *Đàn đày* của Trần Thu Hằng và “*Đội gạo lên chùa*” của Nguyễn Xuân Khánh.

Khi đọc *Đàn đày*, ta thấy lịch sử được luận giải gắn với chiều sâu số phận con người trong những thời khắc lịch sử đầy mâu thuẫn, biến động và *tác giả đã tạo ra các nhân vật hư cấu với nhiều trạng thái tâm lý phức hợp, để luận giải về bi kịch và số phận con người trong thời khắc lịch sử đầy biến động, rối ren, tao loạn* ấy qua nhân vật như Bạch Vĩ và Bạch Dung. Qua đó, tác giả *luận giải lịch sử kết đọng ở cuộc đời của cá nhân trong vòng xoáy lịch sử và bão tố chiến tranh* bằng quan điểm nhân đạo.

Tác giả đã mượn cái vỏ lịch sử để phát huy tính hư cấu sáng tạo, luận giải lịch sử gắn với chiều sâu số phận con người trong những biến động lịch sử nhằm nêu lên bức thông điệp hòa bình, việc giữ gìn, bảo tồn văn hóa nghệ thuật và các giá trị nhân văn. “Đàn đày” có ý nghĩa thời sự, thức tỉnh con người bảo vệ hòa bình, chấm dứt chiến tranh phi nghĩa, giữ gìn các giá trị văn hóa cao quý của dân tộc.

Khi đọc “*Đội gạo lên chùa*”, ta thấy Nguyễn Xuân Khánh hư cấu để luận giải về những góc khuất của lịch sử với vấn đề cải cách ruộng đất, miêu tả số phận cá nhân trong thời khắc đầy biến động của lịch sử gắn với chiến tranh, *luận giải lịch sử kết đọng ở cuộc đời, chiều sâu số phận của con người.*

Nguyễn Xuân Khánh lại xuất phát từ các vấn đề của lịch sử như cảnh chiến tranh hủy diệt, tha hương, tao loạn để đề cao hư cấu nghệ thuật nhằm mục đích đi sâu luận giải về xung đột văn hóa, hệ tư tưởng, ý thức dân tộc giữa các quốc gia.

Tóm lại, nhà văn trong xu hướng đối thoại với sử liệu thường không quan tâm nhiều đến yếu tố “lịch sử”, không chú ý đến việc miêu tả các sự kiện và nhân vật lịch sử có thật, mà chú trọng xây dựng các nhân vật hư cấu hoàn toàn. Qua đó, các tác giả *luận giải lịch sử kết đọng ở cuộc đời, chiều sâu số phận của con người trong vòng xoáy lịch sử và bão tố chiến tranh.* Từ đó, nhà văn nêu lên khát vọng hòa bình, chấm dứt chiến tranh và việc giữ gìn, phát huy di sản văn hóa của dân tộc.

4.3. Một số phương diện nghệ thuật đối thoại

4.3.1. Giải thiêng thần tượng là nhân vật có thật qua những góc khuất lịch sử

Việc các nhà văn thuộc xu hướng tiểu thuyết lịch sử đối thoại với sử liệu thường đề cao yếu tố hư cấu, đối thoại với lịch sử để dự phóng về một “lịch sử mới” với những điều có thể xảy ra quanh sự kiện có thật, luận giải về lịch sử một cách khách quan, công bằng hoặc giải thiêng thần tượng, nên cũng lôi cuốn được số lượng đông đảo công chúng văn học quan tâm, gây tranh luận xôn xao trên văn đàn. Ví dụ như tác phẩm “*Giàn thiêu*” của Võ Thị Hào và “*Hội thề*” của **Nguyễn Quang Thân** đề cao yếu tố hư cấu hơn yếu tố lịch sử, cho thấy cách tiếp cận và luận giải mới về lịch sử, nhân vật có thật được khám phá từ các góc nhìn đa diện, nhiều chiều.

Thật vậy, ta thấy trong “*Giàn thiêu*” Võ Thị Hào đã mượn vỏ thật lịch sử với các sự kiện, nhân vật có thật để phát huy tính hư cấu nhằm nói lên những trải nghiệm, suy tư cá nhân, hoài nghi về lịch sử, “giải thiêng” thần tượng. Những góc khuất lịch sử được tác giả luận giải bằng quan điểm nhân đạo với sự cảm thông, chia sẻ, xót thương con người trước những biến động sử lịch và lên án, phê phán, tố cáo cái xấu, cái ác nhằm giải thiêng thần tượng, gửi đến người đọc nhiều bài học và triết lý sống sâu sắc.

Ví dụ Võ Thị Hào miêu tả nhiều kiếp sống của *Từ Lộ- Thần Tông – Dương Hoán* để luận giải về nhân tình thế thái, giải thiêng thần tượng. Nhà văn khơi sâu vào những góc khuất lịch sử để giải

thiêng thần tượng *Ỗ Lan*, không sùng bái ca ngợi thần tượng một chiều, mà hoài nghi, chất vấn, phản biện lại lịch sử, suy ngẫm lại chân lý lịch sử.

Xu hướng tiểu đối thoại với sử liệu đã kích thích, gợi ra nhiều hướng tiếp nhận, luận giải tự do sáng tạo, tạo nên bầu không khí tranh luận sôi nổi trên văn đàn theo chiều hướng thống nhất, thậm chí đối lập nhau. Ví dụ “*Hội thề*” của **Nguyễn Quang Thân** *luận giải lịch sử qua việc miêu tả và ca ngợi nhân vật Nguyễn Trãi mưu trí, giúp Lê Lợi thắng trong hòa bình mà tránh được cảnh binh đao khói lửa và luận giải về những góc khuất lịch sử, giải thiêng thần tượng bằng những chi tiết hư cấu về đời tư của con người trần thế*.

Tóm lại, các nhà văn không hư cấu tùy tiện, không làm sai lệch lịch sử dân tộc, mà chỉ hư cấu để lịch sử hiện lên đầy đặn, sống động, chân thực, dễ hiểu hơn mấy dòng khô khan ghi chép trong sử liệu và luận giải những góc khuất lịch sử một cách thuyết phục.

4.3.2. Hư cấu, dự phóng về “lịch sử mới” qua nhân vật hư cấu hoàn toàn

Lý luận văn học khẳng định: “nhân vật là hình thức thể hiện con người. Văn học không thể thiếu nhân vật, bởi vì đó là hình thức cơ bản để qua đó văn học miêu tả thế giới con người một cách hình tượng”. Lý luận văn học cho rằng: “Nhân vật văn học là con người được thể hiện bằng phương tiện văn học” và “nhân vật là phương tiện tư duy về hiện thực và định hướng giá trị của con người”, là phương tiện thể hiện các tính cách, số phận con người và các quan niệm về chúng”[269; 114- 118]. Khái niệm nhân vật rất rộng, trong mục này, chúng tôi chỉ xoáy sâu vào các “nhân vật người” hoàn toàn hư cấu.

Ta dễ nhận thấy một điểm khác biệt là xu hướng đối thoại với sử liệu thường *đề cao yếu tố “hư cấu” hơn yếu tố “lịch sử”* để luận giải về lịch sử. *Hệ thống nhân vật chính của tác phẩm chủ yếu là nhân vật hư cấu hoàn toàn và phân tích sâu hơn về mặt tâm lý, chất thế sự nổi bật hơn hẳn. Đây là điểm mới, khác biệt hoàn toàn của xu hướng tiểu thuyết lịch sử đối thoại với sử liệu so với hai xu hướng bám sát sử liệu chính thống và xu hướng dụ ngôn hóa sử liệu.* Ví dụ “*Gió Lửa*” của Nam Dao.

Nam Dao đã dồn trọng tâm vào nhân vật hư cấu hoàn toàn là Trọng Thức và Toàn Nhật để luận giải sâu sắc và thuyết phục về khát vọng đổi mới, thống nhất đất nước, tư tưởng yêu chuộng hòa bình, tinh thần đoàn kết và dự phóng về “lịch sử mới” với những khả năng có thể diễn ra.

Nam Dao mượn bối cảnh lịch sử để phát huy nghệ thuật hư cấu, yếu tố lịch sử chỉ là phương tiện tạo nền cảnh để nhà văn luận giải, phóng chiếu một lịch sử mới qua sự hình dung, tưởng tượng của mình. Từ đó, Nam Dao hư cấu, đối thoại, luận giải nguyên nhân của các cuộc chiến tranh trong lịch sử do *tham vọng quyền lực, thói ích kỷ và cách hành xử của con người.*, để nêu lên các giải pháp để chấm dứt những cuộc chiến tranh đẫm máu, tránh sự chia rẽ trong tâm thức dân tộc, thức tỉnh trong tâm thức, nhân tâm của con người về “một hình mẫu văn hóa”, phải tiến hành đổi mới đất nước để mang lại cuộc sống hòa bình, ấm no, hạnh phúc, ổn định trong tương lai cho con người.

Tóm lại, *trong xu hướng đối thoại với sử liệu, nhà văn đặt trọng tâm vào nhân vật hư cấu hoàn toàn để biện giải lịch sử. Đây là hướng khám phá mới về lịch sử, nhằm thể nghiệm những suy tư, tưởng tượng, giả định, dự phóng về một “lịch sử mới” do con người quyết định. Nhà văn xoáy sâu vào việc hư cấu về một “lịch sử khác” trong tưởng tượng của nhà văn nhằm biện giải lịch sử, cảnh báo hậu quả của chiến tranh sẽ gây khổ đau, mất mát cho con người qua việc phân tích những đau thương, mất mát của của con người trong chiến tranh bằng tấm lòng nhân đạo.*

4.3.3. Ngôn ngữ biện giải

Đặc điểm về ngôn ngữ dễ nhận thấy trong xu hướng *đối thoại với sử liệu* đó là lớp *ngôn ngữ biện giải*. Trong các tác phẩm của **Nguyễn Xuân Khánh, ngôn ngữ biện giải** giúp nhà văn giải thích, cắt nghĩa các vấn đề lịch sử từ góc nhìn văn hóa, phong tục một cách độc đáo, thú vị, đầy sức hấp dẫn và thuyết phục. Hình tượng “Mẫu” được biện giải chân thực, sâu sắc, giàu giá trị nhân văn trong hai tác phẩm “*Mẫu Thượng Ngàn*” và “*Đội gạo lên chùa*”.

Nhà văn đã hư cấu, xây dựng hình tượng các nhân vật nữ để biện giải các vấn đề lịch sử, văn hóa, phong tục bằng cái nhìn nhân văn đã *thể hiện sự đổi mới trong lối tư duy nghệ thuật và cách tân các lớp cấu trúc bên trong thể loại*. Qua đó, nhà văn khẳng định một chân lý khách quan của lịch sử: văn hóa- phong tục với các vấn đề “Mẫu tính” là căn cốt của văn hóa Việt, là mạch nguồn làm nên sức sống trường tồn của nền văn hiến lâu đời của dân tộc Việt Nam.

Ở “*Mẫu Thượng Ngàn*”, Nguyễn Xuân Khánh đã hư cấu, xây dựng hình tượng các nhân vật nữ mang ý nghĩa *biểu tượng* cho “Mẫu tính” gắn với vẻ đẹp trong sáng, thánh thiện, thuần khiết của phụ nữ Việt. “Mẫu tính” còn được biện giải là vẻ đẹp nội lực của nữ giới, mạnh mẽ, nữ tính, táo bạo, phồn thực, khao khát yêu thương. “Mẫu tính” được biện giải gắn với những phẩm chất cao quý tốt đẹp, ý chí, nghị lực, bản lĩnh cứng cỏi, vượt lên trên số phận của người phụ nữ trong hoàn cảnh thực dân Pháp xâm lược.

Mẫu được biện giải bằng lối tư duy nghệ thuật mới mẻ, độc đáo, giàu sức thuyết phục dựa trên các giá trị văn hóa nhân loại, Mẫu là hình ảnh *ẩn dụ, biểu tượng* cho tình yêu thương và sự che chở, nâng đỡ, cứu vớt tâm hồn con người của người phụ nữ. Đây là sự luận giải lịch sử khá thuyết phục của tác giả, chứa đựng diễn ngôn mới dễ được cộng đồng chấp nhận khi khám phá, biện giải về phong tục thờ Mẫu.

Tóm lại, *sự cách tân thể loại* được thể hiện trong việc tạo *các nhân vật hư cấu hoàn toàn là nữ giới* để luận giải rất độc đáo, thú vị, mới lạ về vấn đề “Mẫu tính”, “Phật tính” qua sự kết hợp kiến thức *lịch sử- văn hóa, phong tục*, mang đến cho người đọc sự nhận thức sâu sắc về các giá trị nhân văn cốt lõi của lịch sử.

Tiểu kết chương 4

Xu hướng tiểu thuyết lịch sử *đối thoại với sử liệu* không quan tâm yếu tố “lịch sử”, mà coi trọng, đề cao việc hư cấu “lịch sử mới” bằng trải nghiệm cá nhân. Các nhà văn không né tránh những góc khuất lịch sử, các vấn đề văn hóa tâm linh, luận giải về những những bi kịch lịch sử gắn với khát vọng đổi mới và thống nhất đất nước, hư cấu giả định, hoài nghi, nhận thức lại lịch sử bằng quan điểm duy vật biện chứng, trên tinh thần nhân văn, hiểu đúng bản chất lịch sử.

Xu hướng tiểu thuyết lịch sử *đối thoại với sử liệu* đã thể hiện sự cách tân, đi sâu *chất thể sự*, luận giải về bản thể con người trong những vấn đề khó viết nhất như vấn đề vô thức năng trong quy phạm đạo đức. *Điểm mới trong lối tư duy nghệ thuật của nhà văn* được thể hiện ở việc khám phá lịch sử: lịch sử được cảm nhận, kết đọng trong chiều sâu số phận con người qua những hư cấu giả định, giải thiêng thần tượng và biện giải về những góc khuất lịch sử bằng những hư cấu dựa trên yếu tố “lịch sử”.

Các nhà văn luận giải về lịch sử từ góc nhìn văn hóa, phong tục, luận giải bằng những hư cấu giả định, hoài nghi về những điều có thể diễn ra trong lịch sử theo quan điểm nghệ thuật thẩm mỹ. Đây

cũng là một *hướng khám phá mới về lịch sử*, góp phần *đổi mới thể loại*, tạo nên bức tranh đa sắc màu trong tiến trình phát triển của tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại từ năm 1986 đến nay.

KẾT LUẬN

1. Tiểu thuyết lịch sử có ý nghĩa quan trọng trong việc giáo dục nhân văn và thẩm mỹ; là cơ sở, địa hạt thuận lợi để xem xét và giải quyết các vấn đề của lịch sử, văn hóa và xã hội. Lịch sử là nơi cung cấp các đề tài lớn cho văn học, tiểu thuyết lịch sử đạt được những thành tựu quan trọng với nhiều kiệt tác có ý nghĩa thúc đẩy sự phát triển của tiểu thuyết Việt Nam và với công cuộc Đổi mới đất nước.

Các nhà văn có chiều hướng lật giở kho sử liệu, nhìn lại quá khứ trong nguồn cảm hứng dạt dào, khơi gợi sự sáng tạo độc đáo, mới lạ để truyền đến người đọc nhiều bài học kinh nghiệm. Vì thế, các nhà văn đã phản ánh số phận con người theo chiều hướng tôn trọng tính khách quan của lịch sử và hư cấu, tái hiện lại bức tranh đời sống phong phú, đa dạng, sinh động trong thế giới nghệ thuật, khái quát thành những bài học giáo huấn sâu sắc, luận giải các vấn đề lịch sử, phong tục, văn hóa dân tộc một cách khách quan, công tâm, độc đáo, mới lạ, lôi cuốn, hấp dẫn, giàu sức thuyết phục. Tiểu thuyết lịch sử là một thể loại văn học giàu giá trị nhân sinh, hướng con người theo các giá trị tốt đẹp, thúc đẩy tiến bộ xã hội. Tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại phát triển phong phú, đa dạng theo nhiều xu hướng (như xu hướng tiểu thuyết lịch sử bám sát sử liệu, xu hướng tiểu thuyết lịch sử dụ ngôn hóa sử liệu, xu hướng tiểu thuyết lịch sử đối thoại với sử liệu) trong sự dân chủ, đổi mới theo hướng hiện đại hóa ở mọi cấp độ của thể loại. Mỗi nhà văn theo xu hướng khác nhau sẽ có cách xử lý yếu tố lịch sử- hư cấu theo mức độ, dụng ý nghệ thuật khác nhau trong giới hạn quy định, đảm bảo nguyên tắc thể loại.

Xu hướng TTLS bám sát sử liệu thiên về tính chất mô tả, minh họa lịch sử theo tinh thần trung thành với sử liệu, về sau, xu hướng này dần dịch chuyển từ khuynh hướng sử thi sang thể sự, tô đậm hành động của nhân vật, sự kiện lịch sử được đẩy lên bình diện hàng đầu, *nhằm phổ biến những kiến thức lịch sử dày đặc* đến người đọc.

Xu hướng TTLS dụ ngôn hóa sử liệu tuân thủ chặt chẽ nguyên tắc kết hợp hài hòa giữa yếu tố “lịch sử” và “hư cấu” để thực hiện mục tiêu hàng đầu là truyền tải *các bài học giáo huấn* một cách gián tiếp qua những tấm gương người thật, việc thật gắn với nhân vật lịch sử có thật và sự kiện được ghi chép trong sử liệu, *nhằm truyền đến người đọc nhiều bài học giáo huấn* về lòng yêu nước, chính trị- tôn giáo, vấn đề đại đoàn kết dân tộc, chủ nghĩa nhân đạo.

Xu hướng TTLS *đối thoại với sử liệu* hoài nghi lịch sử, muốn *nhận thức lại lịch sử*, coi trọng việc *hư cấu* giả định về những điều có thể xảy ra quanh các sự kiện mà sử liệu không ghi chép, dự phóng về một “lịch sử mới” qua những trải nghiệm của cá nhân, đối thoại, phản biện lịch sử nhằm giải thiêng thần tượng là nhân vật có thật. Các nhà văn mượn lịch sử như là cái cớ để nhận thức lại các chân giá trị bằng quan điểm thẩm mỹ. Vì xu hướng này thường luận giải lịch sử bằng sự phản biện khá tự do, dân chủ, nên nhà văn phải kiểm soát tốt tư duy nghệ thuật, không được mở rộng quan điểm phản biện quá chủ quan đến mức cực đoan, không xuyên tạc sai lệch bản chất lịch sử dân tộc, không vi phạm nguyên tắc thể loại.

2. Tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại từ năm 1986 đến nay đang đi theo *xu hướng đa dạng hoá* với nhiều tác phẩm lớn, có giá trị ra đời, được công chúng văn học quan tâm và bàn luận xôn xao trên văn đàn. Sự đa dạng hoá là xu hướng đáng khuyến khích chứ không phải là hiện tượng rối loạn

của tiểu thuyết lịch sử. Nhưng, đa dạng đến đâu thì tiểu thuyết lịch sử vẫn phải tuân thủ nguyên tắc trong việc xử lý các yếu tố lịch sử và hư cấu trong phạm vi giới hạn của thể loại. Tiểu thuyết lịch sử là thể loại văn học lấy tiêu chí tôn trọng sự thật khách quan của lịch sử làm nguyên tắc hàng đầu trong cấu trúc thể loại, nhà văn được quyền hư cấu các chi tiết nhỏ, tâm lý của nhân vật có thật trong đời tư thể sự ở một giới hạn nhất định, hư cấu phải hợp lý, đảm bảo diễn ngôn lịch sử, để lịch sử hiện lên chân thật, sống động hơn, tuyệt đối không hư cấu tùy tiện theo kiểu bịa đặt, bóp méo sự thật, xuyên tạc “lịch sử chính trị” của đất nước để các thế lực thù địch lợi dụng chống phá trên mặt trận văn hóa tư tưởng.

Tiểu thuyết lịch sử phát triển qua nhiều giai đoạn, mỗi giai đoạn có các đặc điểm riêng về nội dung và hình thức, đặc biệt là ở giai đoạn đương đại (từ sau năm 1986 đến nay) thì thể loại văn học này đã có nhiều cách tân đáng kể về mặt nội dung và nghệ thuật. Một mặt, nó vẫn kế thừa *khuyñh hướng sử thi* ngợi ca chủ nghĩa anh hùng cách mạng, chống giặc ngoại xâm, ca ngợi những tấm gương yêu nước qua các biến cố, xung đột lịch sử liên quan đến số phận cộng đồng. Mặt khác, tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại có nhiều đổi mới trong cấu trúc thể loại, đó là dịch chuyển sang *khuyñh hướng thế sự*, khám phá tất cả những sự thật trong tâm hồn con người, các góc khuất lịch sử từ góc nhìn đời tư. Các nhà văn chú ý miêu tả thân phận con người từ góc *nhìn thế sự đa chiều*, giàu suy tư, triết lý bằng bút pháp tả thực, lãng mạn và tượng trưng, một số chi tiết nghệ thuật được hư cấu theo lối *huyền thoại hóa* mà vẫn đảm bảo nguyên tắc thể loại, không xuyên tạc cốt lõi sự thật lịch sử. Từ đó, nhà văn đối thoại với lịch sử, làm tăng tính đa nghĩa, sinh động của các “mã” hình tượng, tạo ra những cách luận giải lịch sử riêng và các bài học giáo huấn hấp dẫn người đọc qua cách viết độc đáo, mới lạ, thật sự cuốn hút và giàu sức thuyết phục.

3. Khi đánh giá về hiện thực lịch sử và con người có thật của quá khứ, các nhà văn chú trọng nguyên tắc thể loại, nguyên tắc khách quan mang tính lịch sử cụ thể, hướng đến sự nhân đạo hóa con người. Nguyên tắc nhân đạo được thể hiện rõ qua quan điểm nghệ thuật thẩm mỹ của các nhà văn, thể hiện tình yêu, trách nhiệm và niềm tin vào con người. Qua các tác phẩm, ta thấy các tác giả luôn bày tỏ thái độ, quan điểm, lập trường tư tưởng nhân sinh trên tinh thần yêu nước, nhân đạo, đậm chất thế sự nhằm dự báo, cải tạo hiện thực theo chiều hướng tích cực, tiến bộ, nhân văn, hướng tới Cái Đẹp, Cái Thiện; đồng thời giáo huấn, thức tỉnh con người tránh xa cái xấu, cái ác, ngăn chặn mọi sự tha hóa, biến chất trong tâm hồn, điều chỉnh hành vi con người, làm cuộc sống trở nên tốt đẹp hơn, tất cả vì hạnh phúc của con người. Qua khảo sát, các nhà văn thể hiện khả năng cảm nhận, miêu tả, phân tích, đánh giá, khái quát các vấn đề hiện thực lịch sử rất sâu sắc, toàn diện, giàu tính chất lý luận, triết luận và đậm chất giáo huấn. Đặc biệt là sự đổi mới trong lối tư duy nghệ thuật, các nhà văn tái tạo, phục dựng nhân vật, sự kiện có thật, đời sống quá khứ theo *quan điểm chính luận, tràn đầy cảm hứng yêu nước, tinh thần nhân đạo, khám phá từ nhiều góc nhìn đời tư- thế sự, luận giải về những góc khuất lịch sử và “cái có thể xảy ra” trong lịch sử.*

4. Qua ba xu hướng mà chúng tôi khảo sát, sự cách tân thể loại thể hiện ở sự đổi mới trong các lớp cấu trúc tự sự như điểm nhìn, cốt truyện, nhân vật, không- thời gian, ngôn ngữ... Đặc biệt, ta thấy sự đổi mới thể hiện qua việc lồng ghép “chuyện đại sự” và “chuyện thế sự đời tư” trong kết cấu cốt truyện, đổi mới thể loại bằng việc tổ chức kết cấu cốt truyện *ghép mảnh*, cách tân trong việc đan xen *điểm nhìn toàn tri di chuyển liên tục qua điểm nhìn hạn tri* của các nhân vật. Đặc biệt là *tính liên văn*

bản đã làm cho tiểu thuyết lịch sử ôm chứa và hòa trộn nhiều tiểu loại khác trong cấu trúc thể loại của nó.

Qua khảo sát, các nhà văn đã dùng *các lớp ngôn từ thẩm mỹ đa phong cách như ngôn ngữ chính luận đậm chất giáo huấn, ngôn ngữ mang tính biện giải, ngôn ngữ mang tính chất tường thuật, ngôn ngữ sinh hoạt mang tính khẩu ngữ, ngôn ngữ cổ mang sắc thái trang trọng...* để tái hiện lại lịch sử một cách chân thật, xác tín. Các nhà văn vừa *hur cấu* sáng tạo, vừa đảm bảo nguyên tắc tôn trọng *sự thật lịch sử* trong việc tổ chức lồng ghép các *lớp thời gian tuyến tính và thời gian đa chiều mang tính hư cấu*. Các nhà văn tổ chức, cắt dán, lắp ghép tinh xảo, linh hoạt *các mảnh không gian nghệ thuật gồm không gian lịch sử-xã hội mang tính địa điểm-vật thể và không gian đa chiều sự cảm nhận, cảm thụ của các nhân vật về không gian như không gian tâm tưởng, không gian sinh hoạt đời tư của nhân vật giàu ý nghĩa biểu tượng, để tạo nên thế giới nghệ thuật sống động*.

Nhìn chung, tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại có nhiều sự đổi mới trong các lớp cấu trúc thể loại mà chúng tôi mới chỉ ra một số biểu hiện cụ thể ở ba xu hướng, đạt nhiều thành tựu quan trọng, phát triển vượt bậc so với các giai đoạn trước về số lượng, chất lượng và quy mô đồ sộ của tác phẩm. Các nhà văn đã góp phần đáng kể trong quá trình thúc đẩy sự phát triển của văn học nói chung, cũng như tiểu thuyết nói riêng, dệt nên bức tranh phong phú, đa dạng trong đời sống văn học.